



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 20/2022**  
Từ 23/5 - 27/5/2022

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

**TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA**  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**  
024.62821016

**EMAIL**  
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN  
**WEBSITE**  
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

## BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ: CÔNG BỐ KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Sáng ngày 25/5, tại trụ sở Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 (SIPAS 2021) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR index 2021).



Chủ trì Hội nghị. Ảnh: moha.gov.vn

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ cho biết, năm 2021, đại dịch COVID-19 đã diễn biến rất phức tạp, nặng nề làm tổn thất lớn đến tính mạng, sức khỏe của người dân và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội. Mặc dù rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng công tác cải cách hành chính tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo xuyên suốt, linh hoạt, sáng tạo và kịp thời thích ứng với tình hình mới.

Là năm đầu thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Theo đó, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã có những chỉ đạo quyết liệt nhằm tập trung thực hiện nghiêm túc, tích cực, hiệu quả Nghị quyết 76/NQ-CP, gắn với năm bản lề thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nhìn lại năm 2021 vừa qua, chúng ta thấy rằng, để thúc đẩy thực hiện,

hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Chính phủ đã đề ra phương châm hành động trong lãnh đạo, điều hành là “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển” và đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó cải cách hành chính là một trong những giải pháp trọng tâm.

Trên cơ sở đó, công tác cải cách hành chính đã đạt được những kết quả tích cực, tiếp tục đóng góp quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân theo chủ trương, đường lối của Đảng.

Năm 2021 là năm thứ 10 liên tiếp, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan triển khai xác định, công bố Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, các tỉnh, thành phố trên cả nước; là năm thứ 5 triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Quá trình triển khai nghiêm túc, dân chủ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là sự phối hợp, hỗ trợ của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam trong tổ chức triển khai điều tra xã hội học, lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính của các Bộ, các tỉnh và đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; đến nay, Bộ Nội vụ đã hoàn thành kế hoạch xác định các chỉ số và đã phê duyệt các báo cáo Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

Nhằm thông tin kịp thời kết quả các Chỉ số tới các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí, tới người dân, tổ chức, doanh nghiệp và xã hội, đồng thời, tạo cơ sở thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa công tác cải cách hành chính của các Bộ, ngành, địa phương trong thời gian tới; được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 và kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời, nghe một số báo cáo tham luận, làm rõ một số kết quả nổi bật trong cải cách hành chính năm 2021 tại Bộ, ngành, địa phương mình.

Báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ cho biết, đối tượng xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 ở Trung ương gồm 19 Bộ, cơ quan ngang Bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ). Trong đó, 02 cơ quan đặc thù là Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ có thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng chung với 17 Bộ, cơ quan ngang Bộ còn lại. Ở địa phương gồm 63 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phương pháp đánh giá của Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 tương tự với các năm trước, đó là kết hợp tự đánh giá của các Bộ, các tỉnh với đánh giá thông qua điều tra xã hội

học và kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (dùng cho cấp tỉnh). Việc triển khai điều tra xã hội học năm 2021 được thực hiện với quy mô trên 79.600 phiếu, trong đó có hơn 49.600 phiếu khảo sát nhóm đối tượng công chức, lãnh đạo, quản lý tại các Bộ, địa phương, số lượng phiếu khảo sát cao hơn 2.25 lần so với năm 2020 (khoảng 22.000 phiếu) và gần 30.000 phiếu khảo sát người dân, doanh nghiệp; ngoài ra, còn khảo sát đại diện một số hội, hiệp hội đánh giá kết quả cải cách hành chính của các bộ chủ quản.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 các Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân loại gồm 03 nhóm điểm:

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính trên 90%, bao gồm 03 đơn vị: Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính từ trên 80% đến dưới 90%, bao gồm 13 đơn vị: Bộ Nội vụ; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính dưới 80% có 01 đơn vị là Bộ Khoa học và Công nghệ với giá trị Chỉ số cải cách hành chính là 78.72%.

Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính của 17 Bộ, cơ quan ngang Bộ năm 2021 là 86.07%, giảm 1.49% so với năm 2020 (đạt 87.56%). Tuy nhiên, xét trong 10 năm đánh giá thì kết quả Chỉ số cải cách hành chính tiếp tục duy trì xu hướng tăng, giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đã tăng cao hơn 10.69% so với năm 2012.

Theo thống kê, có 11/17 Bộ, cơ quan đạt Chỉ số cải cách hành chính trên mức giá trị trung bình; 06/17 Bộ, cơ quan có kết quả Chỉ số cải cách hành chính tăng cao hơn so với năm 2020, tăng cao nhất là Bộ Nội vụ (+2.20%); trong số các bộ có kết quả Chỉ số cải cách hành chính giảm so với năm 2020, giảm nhiều nhất là Bộ Khoa học và Công nghệ (-6.43%).

Theo đánh giá, Bộ Tư pháp đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021, với kết quả đạt 91.90%; trong khi đó, Bộ Khoa học và Công nghệ là đơn vị có kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 thấp nhất, đạt 78.72%.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính 2021 của các tỉnh, thành phố được phân theo 3 nhóm: Nhóm A, đạt kết quả Chỉ số từ 90% trở lên, gồm 03 tỉnh, thành phố. Nhóm B, đạt kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%, gồm 59 tỉnh, thành phố. Nhóm C, đạt kết quả Chỉ số từ 70% - dưới 80%, gồm 01 tỉnh, thành phố.

Năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giá trị trung bình cao nhất từ trước đến nay, đạt 86.37%, cao hơn 2.65% so với năm 2020 (đạt 83.72%) và có năm thứ 3 liên tiếp đạt giá trị trung bình trên 80%; 40/63 đơn vị đạt kết quả Chỉ số cải cách hành chính cao hơn mức giá trị trung bình; 62 địa phương đạt kết quả Chỉ số cải cách hành chính trên 80%, nhiều hơn các năm 2020 và 2019 lần lượt là 4 và 18 đơn vị.

Khoảng cách chênh lệch kết quả Chỉ số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất tiếp tục duy trì xu hướng giảm so với 5 năm gần đây, năm 2021 khoảng cách này là 11.83%, giảm 5.96% so với năm 2020 (17.79%). Theo thống kê, năm 2021, có 60 tỉnh, thành phố đạt kết quả Chỉ số cải cách hành chính tăng cao hơn so với năm 2020; tăng cao nhất là tỉnh Quảng Ngãi (+13.20%), tăng thấp nhất là Đồng Tháp (+0.03%). Ngoài ra, vẫn còn 03 địa phương có kết quả Chỉ số CCHC giảm nhẹ so với năm 2020 là Đồng Nai ( 0.49%), Tiền Giang (-0.51%) và Hà Nam (-1.94%).

Theo kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021: TP. Hải Phòng lần đầu tiên bứt phá lên ngôi vị quán quân Chỉ số cải cách hành chính năm 2021, với kết quả đạt 91.80%, cao hơn 0.66% so với đơn vị xếp vị trí thứ 2 là tỉnh Quảng Ninh (đạt 91.14%). TP. Đà Nẵng đã có sự trở lại ấn tượng trong top 5 địa phương dẫn đầu sau 2 năm vắng bóng ở nhóm này, năm 2021 đạt 90.25% xếp vị trí thứ 3/63; trong khi đó, tỉnh Vĩnh Phúc cũng có lần đầu tiên lọt nhóm 5 địa phương dẫn đầu, với kết quả năm 2021 đạt 89.28%, xếp vị trí thứ 5/63. Ngoài ra, tỉnh Thừa Thiên - Huế tiếp tục duy trì được thành tích cao trên bảng xếp hạng, với kết quả Chỉ số cải cách hành chính đạt 89.32%, xếp vị trí thứ 4/63 tỉnh, thành phố. Đứng cuối bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 là tỉnh Kiên Giang, đạt 79.97% và là địa phương duy nhất có kết quả Chỉ số cải cách hành chính dưới 80%. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp tỉnh Kiên Giang nằm trong nhóm 5 địa phương có kết quả Chỉ số cải cách hành chính thấp nhất cả nước (năm 2020, đạt 77.91%, xếp vị trí thứ 61/63).

Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ Phạm Minh Hùng cho biết, kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các tỉnh, thành phố tiếp tục có sự tăng trưởng tích cực, cho thấy những nỗ lực, quyết tâm đầy mạnh cải cách hành chính của chính quyền các cấp ở địa phương đã mang lại hiệu quả rõ rệt, ngày càng được người dân, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, năm 2021, những nguyên nhân khách quan từ dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả điểm, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của một số địa phương, nhất là những tỉnh, thành phố hay khu vực kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, phải thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội trong thời gian dài, dẫn đến việc thực hiện một số nhiệm vụ cải cách hành chính và thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương, khu vực này bị gián đoạn, kết quả hoàn thành thấp hơn so với các địa phương, vùng kinh tế bị ảnh hưởng ít nghiêm trọng hơn. Do đó, kết quả điểm và xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 cũng cho thấy có sự phân hóa khá rõ giữa các chỉ số thành phần; giữa các tỉnh, thành phố và giữa các khu vực kinh tế. Lĩnh vực nào hoặc địa phương, khu vực nào chịu tác động nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19 thì thường có kết quả Chỉ số cải cách hành chính thấp hơn so với phần còn lại.

*Nguồn: moha.gov.vn*

# CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH NĂM 2021 PHẢN ẢNH TOÀN DIỆN THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG

Báo cáo tại Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 (SIPAS 2021) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 (PAR index 2021) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương diễn ra sáng ngày 25/5, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ cho biết, năm 2021, Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nhằm đánh giá khách quan chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước, thông qua đó, giúp các cơ quan hành chính nhà nước nắm bắt được thực trạng chất lượng dịch vụ công, nhu cầu, mong đợi của người dân, tổ chức để làm cơ sở xác định, thực hiện các biện pháp cải thiện chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức, mang lại sự hài lòng cho người dân, tổ chức.

Đây là một năm mà việc triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức trong cả nước gặp nhiều khó khăn do diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 gây ra. Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan đã nỗ lực rất lớn và có những điều chỉnh kịp thời để có thể triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức, trong đó Ủy ban Nhân dân 63 tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp, hỗ trợ chọn mẫu điều tra xã hội học; Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn 63 Bưu điện tỉnh thực hiện phát, thu phiếu điều tra xã hội học đảm bảo yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19; Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tham gia ý kiến thông qua báo cáo kết quả. Nhờ đó, việc triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức năm 2021 đã hoàn thành, lắng nghe được ý kiến phản hồi của 28.372 người dân, tổ chức từ khắp mọi vùng, miền trong cả nước.

Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức năm 2021: Người dân, tổ chức chủ yếu tiếp cận thông tin về cơ quan cung ứng dịch vụ công và quy định thủ tục hành chính thông qua công chức, với các chỉ số lần lượt là 50.88% và 62.72%, còn lại là các hình thức khác. Tỷ lệ người dân, tổ chức tiếp cận thông tin về 2 nội dung này thông qua mạng internet chỉ là 12.64% và 14.89%.

3.26% người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần để thực hiện dịch vụ công. Việc người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần xảy ra tại 61/63 tỉnh.

0.45% người dân, tổ chức phản ánh bị công chức gây phiền hà, sách nhiễu, 0.14% người dân, tổ chức phản ánh phải nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí trong quá trình giao dịch dịch vụ công. 46/63 tỉnh có người dân, tổ chức phản ánh bị công chức gây phiền hà, sách nhiễu và 22/63 tỉnh có người dân, tổ chức phản ánh phải trả thêm tiền ngoài phí/lệ phí.

2.85% người dân, tổ chức không nhận được giấy hẹn trả kết quả dịch vụ và tình trạng này xảy ra ở 25/63 tỉnh.

2.57% người dân, tổ chức bị trễ hẹn trả kết quả, trong số đó, chỉ có 40.38% nhận được thông báo của cơ quan về việc trễ hẹn trả kết quả và 42.58% nhận được xin lỗi của cơ quan về việc trễ hẹn trả kết quả. 57/63 tỉnh xảy ra tình trạng trễ hẹn trả kết quả dịch vụ, trong đó chỉ có 4/57 tỉnh thực hiện thông báo cho người dân, tổ chức về việc trễ hẹn và cũng 4/57 tỉnh đã thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức về việc trễ hẹn.

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về 4 nội dung đánh giá về tiếp cận dịch vụ nằm trong khoảng 88.16% - 89.08%. Chỉ số hài lòng chung về tiếp cận dịch vụ là 88.66%.

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về 5 nội dung đánh giá về thủ tục hành chính nằm trong khoảng 87.98% - 88.97%. Chỉ số hài lòng chung về thủ tục hành chính là 88.48%.

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về 7 nội dung đánh giá về công chức nằm trong khoảng 88.00% - 88.60%. Chỉ số hài lòng chung về công chức là 88.25%.

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về 4 nội dung đánh giá về kết quả dịch vụ nằm trong khoảng 89.35% - 89.76%. Chỉ số hài lòng chung về kết quả dịch vụ là 89.52%.

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về 4 nội dung đánh giá về việc cơ quan tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức nằm trong khoảng 80.48% - 81.45%. Chỉ số hài lòng chung về việc cơ quan tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức là 80.90%.

Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính nói chung cả nước năm 2021 là 87.16%. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của 63 tỉnh nằm trong khoảng 94.07% - 82.79%. Các tỉnh có Chỉ số hài lòng cao ở nhóm đầu (từ 90% trở lên) gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tĩnh, Sơn La, Bắc Ninh và Bắc Giang.

Ba nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi các CQHCNN cải thiện nhiều nhất là: (1) Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, với 54,02% mong đợi; (2) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, với 51.89% người dân, tổ chức mong đợi; (3) Tăng cường nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính, với 47.26% người dân, tổ chức mong đợi. Mặc dù yếu tố thủ tục hành chính nhận được sự hài lòng của người dân, tổ chức cao thứ 2 trong số 5 yếu tố được đánh giá nhưng 2 nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi được CQHCNN cải thiện nhiều nhất đều thuộc yếu tố thủ tục hành chính.

Ông Phạm Minh Hùng nhấn mạnh, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đã mang lại những kết quả, tác động tích cực đối với cả cơ quan hành chính nhà nước và người dân, tổ chức. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức cho thấy toàn diện thực trạng chất lượng cung ứng dịch vụ công, từ đó cung cấp thông tin kịp thời, khách quan giúp Chính phủ, chính quyền, cơ quan hành chính nhà nước có cơ sở để thực hiện các giải pháp cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức tạo ra những thay đổi trong tư duy, phong cách, văn hóa thực thi công vụ, cung ứng dịch vụ công theo hướng lấy người dân làm trung tâm, mang lại sự hài lòng cho người dân, tổ chức. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức còn thể

hiện những nỗ lực của Chính phủ, chính quyền vì dân, minh bạch, có trách nhiệm giải trình, gần gũi và lắng nghe người dân. Ngoài ra, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức cũng góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi, trách nhiệm trong việc thực hiện giám sát, phản hồi ý kiến đối với cơ quan hành chính nhà nước về chính sách, dịch vụ công và là một kênh để người dân, tổ chức thực hiện quyền lợi, trách nhiệm đó.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## **BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: QUYẾT LIỆT HƠN NỮA TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

Đó là chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 (SIPAS 2021) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR index 2021) ngày 25/5 tại trụ sở Bộ Nội vụ.

Phát biểu bế mạc Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện trong những năm vừa qua, là công cụ theo dõi, đánh giá kết quả, tác động của quá trình triển khai cải cách hành chính tới việc cải thiện chất lượng hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tới lợi ích của người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, thực tiễn chứng minh, các chỉ số này đã thực sự trở thành công cụ quản lý hiệu quả tiến trình cải cách hành chính, giúp Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương nắm bắt được nhu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức, nhận diện rõ những kết quả đạt được, cũng như những tồn tại, hạn chế của nền hành chính nói chung, của quá trình triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của bộ, ngành, địa phương nói riêng.

Đồng thời qua đó, cũng khẳng định sự nỗ lực, quyết tâm, quyết liệt của Chính phủ, của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, chuyên nghiệp, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mọi chủ trương, chính sách phát triển đều hướng tới người dân, doanh nghiệp. Thông qua kết quả các chỉ số năm 2021, cho thấy nổi lên công tác xây dựng thể chế, chính sách; công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, Chính quyền số đã có nhiều chuyển biến quan trọng, thiết thực góp phần thực hiện công tác phòng, chống đại dịch COVID-19, đưa đất nước sớm trở lại trạng thái bình thường mới và phục hồi kinh tế - xã hội vào những tháng cuối năm 2021. Kết quả đó giúp các Bộ, ngành, địa phương có thêm động lực, khí thế mới để tiếp tục công cuộc cải cách hành chính với nhiều nhiệm vụ khó khăn, phức tạp đang ở phía trước.

Thay mặt Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nhiệt liệt biểu dương sự cố gắng, nỗ lực của các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố và trân trọng chúc mừng các bộ, ngành và địa phương đạt chỉ số cao thuộc nhóm топ dẫn đầu trong việc triển khai xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà trân trọng ghi nhận, đánh giá cao sự phối hợp có trách nhiệm, hiệu quả của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam và Hội Cựu Chiến binh các cấp, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp triển khai kế hoạch xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính thời gian qua.

Mặc dù các Bộ, ngành, địa phương đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong triển khai các nội dung cải cách hành chính, tuy nhiên, cần phải nhận thức rõ những hạn chế, bất cập trong công tác cải cách hành chính thời gian qua cần phải khắc phục. Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế, trên tất cả các lĩnh vực, từ chỉ đạo điều hành, đến cải cách thể chế, thủ tục hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách công vụ, công chức và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử chưa đạt như mong muốn phần nào đã ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

Năm 2022 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm bản lề trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; với phương châm hành động của Chính phủ “Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển”, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính đã đề ra trong năm cũng như tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, chất lượng Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính trong thời gian tới, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà đề nghị các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Một là, căn cứ Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021, các Bộ, cơ quan, địa phương tập trung phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nhất là nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, xác định rõ trách của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và xây dựng các giải pháp, cách thức khắc phục. Người đứng đầu các Bộ, cơ quan, địa phương có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của mình, đồng thời, tiếp tục có những biện pháp, giải pháp mới, đột phá, phù hợp để cải thiện, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức. Lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.



Hai là, tập trung cao hơn nữa cải cách thể chế, chính sách; trong đó, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nhằm khơi thông nguồn lực, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi. Hoàn thiện thể chế về đất đai, kinh doanh, đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, cạnh tranh lành mạnh, giảm thiểu chi phí giao dịch phi chính thức, tăng cường phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý nhà nước gắn với đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức.

Ba là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là tạo ra bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp, bãi bỏ các thủ tục hành chính đang gây trở ngại cho phát triển sản xuất, kinh doanh. Tập trung đẩy mạnh rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là trên các lĩnh vực trọng tâm; tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, không gắn với địa giới hành chính.

Bốn là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Tập trung rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương theo quy định của Chính phủ. Tiếp tục triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ Sáu Ban chấp hành Trung ương khoá XII. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm về quản lý và sử dụng. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên tinh thần lắng nghe, cầu thị, trách nhiệm, hết lòng phục vụ người dân, tổ chức.

Năm là, đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số theo lộ trình của Chính phủ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của các bộ, cơ quan, địa phương.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cũng cho biết, sau Hội nghị này, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương; đồng thời, nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng, hiệu quả của Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính của năm 2022 và các năm tiếp theo.

Về phía Bộ, ngành, địa phương, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà đề nghị các đồng chí lãnh đạo bộ, cơ quan, địa phương quan tâm chỉ đạo, nghiên cứu có các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa trong triển khai công tác cải cách hành chính, phấn đấu thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của năm 2022.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tin tưởng rằng, với sự quyết tâm, nỗ lực, năng động, sáng tạo của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương; sự ủng hộ củ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, của các tổ chức chính trị

xã hội, người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội, công tác cải cách hành chính năm 2022 sẽ có bước chuyển biến mới và đạt được kết quả toàn diện hơn nữa, góp phần củng cố niềm tin, sự hài lòng của người dân, tổ chức và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## TĂNG CƯỜNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NHẤT LÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH

Đây là một trong mười hai nhiệm vụ và giải pháp được Chính phủ đặt ra trong Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 được Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành thay mặt Chính phủ báo cáo tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá XV, diễn ra sáng ngày 23/5.

Theo đó, ngoài việc bổ sung kết quả năm 2021 và về triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội những tháng đầu năm 2022, Báo cáo còn nêu lên những kết quả đạt được những tháng đầu năm 2022, như: Về phòng, chống dịch COVID-19; Về kinh tế; Về văn hóa, xã hội và môi trường; Về xây dựng thể chế, cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Đồng thời, Báo cáo cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khó khăn và thách thức và nguyên nhân hạn chế, khó khăn...

### 12 nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới

Trước diễn biến tình hình trong nước và quốc tế, việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, nhất là mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 6% - 6,5% là thách thức rất lớn. Chính phủ quyết tâm tiếp tục xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, gắn với chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng, thực chất, hiệu quả; đồng thời yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục nắm chắc tình hình, quyết liệt thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội với những trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội và Chính phủ; tập trung kiểm soát dịch COVID-19 và phục hồi nhanh, phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Khẩn trương triển khai các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, nhất là vấn đề đất đai, kinh tế tập thể, hợp tác xã, nông nghiệp, nông dân và nông thôn; khẩn trương hoàn thiện, trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đất đai năm 2013.

Hai là, chủ động điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ, tài khóa và các chính sách khác nhằm tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn và kiểm soát lạm phát. Đẩy mạnh tăng thu ngân sách nhà nước bền vững, triệt để tiết kiệm chi, đặc biệt là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư. Đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng

gắn với xử lý nợ xấu, nhất là các ngân hàng thương mại yếu kém. Tăng cường quản lý, giám sát thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, bảo đảm phát triển lành mạnh, an toàn và bền vững. Theo dõi chặt chẽ thị trường, giá cả; điều hành, bình ổn giá; thúc đẩy thương mại, xuất nhập khẩu; có giải pháp hiệu quả duy trì ổn định chuỗi cung ứng.

Ba là, triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm hiệu quả. Kiên quyết điều chuyển vốn đầu tư công năm 2022 của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương chậm triển khai cho các đơn vị, dự án khác có khả năng hoàn thành sớm, phát huy hiệu quả. Đẩy nhanh việc hoàn thành thủ tục và giải ngân 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét cho ý kiến về danh mục dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại về giao thông, năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng thương mại và hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội... Các Bộ, ngành, địa phương liên quan tập trung cao độ cho triển khai các dự án trọng điểm quốc gia, tạo động lực mới cho sự phát triển; phấn đấu đến cuối năm 2022 hoàn thành 361 km đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 1; trong quý IV năm 2022, khởi công đồng loạt 12 dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2 và khởi công đường băng, nhà ga cảng hàng không quốc tế Long Thành... Trình Quốc hội xem xét, quyết định 05 dự án trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng.

Bốn là, tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy năng lực sản xuất trong nước. Tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã ký kết. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; đặc biệt, sớm ban hành cơ chế, chính sách để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sản phẩm nông nghiệp và xuất khẩu chính ngạch, khắc phục tình trạng xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Cơ cấu lại thị trường và làm tốt công tác xúc tiến, quảng bá, phục hồi du lịch thích ứng với tình hình mới. Khẩn trương xử lý từng bước dứt điểm các dự án chậm tiến độ, kéo dài nhiều năm.

Năm là, thúc đẩy phát triển liên kết vùng và phát triển đô thị, đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch. Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng các đề án trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết đối với các vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ (trong Quý III, Quý IV năm 2022).

Sáu là, tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế để theo kịp sự phát triển của kinh tế - xã hội. Tăng cường cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm, gắn với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao trình độ cán bộ, kiểm tra, giám sát, kiểm

soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Bảy là, tiếp tục thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; chủ động có giải pháp ứng phó với các dịch bệnh mới phát sinh. Tăng cường năng lực của hệ thống y tế. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2022. Nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Nhân dân, đại biểu Quốc hội về việc quy định môn học lịch sử là môn bắt buộc trong chương trình giáo dục ở cấp trung học phổ thông. Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Tám là, phát triển kinh tế phải bảo đảm hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, các giải pháp hỗ trợ người dân, người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an sinh xã hội. Hoàn thiện để ban hành quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động theo hợp đồng, áp dụng từ tháng 7/2022. Quan tâm hơn nữa thực hiện hiệu quả việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt công tác chăm sóc người cao tuổi, bình đẳng giới, bảo vệ bà mẹ, trẻ em. Chú trọng thực hiện các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao, nhất là thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

Chín là, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các Bộ, ngành liên quan và các địa phương khẩn trương và chủ động thực hiện nghiêm túc, dứt điểm các kết luận thanh tra, kiểm tra về đất đai; rà soát, xử lý các dự án chậm triển khai, tồn đọng nhiều năm, sớm đưa vào khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Mười là, theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới, khu vực, thực hiện đồng bộ các giải pháp để bảo đảm quốc phòng, an ninh, không để bị động, bất ngờ, nhất là những khu vực trọng yếu, địa bàn chiến lược; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Đẩy mạnh xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc. Tăng cường trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án kinh tế, tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn.

Mười một là, triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương, chủ động hội nhập quốc tế. Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình đối ngoại cấp cao năm 2022.

Mười hai là, đẩy mạnh thông tin truyền thông, phát huy hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội, tập trung thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, những thành tựu phát triển của đất nước; phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, bài học quý,

gương người tốt, việc tốt tạo sự lan tỏa trong xã hội nhằm khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đổi mới, sáng tạo của từng cơ quan, đơn vị, của mỗi người dân và doanh nghiệp.

*Anh Cao, Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TẬP HUẤN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Ngày 27/5, tại tỉnh Quảng Ninh, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị tập huấn công tác cải cách hành chính năm 2022 cho gần 100 học viên là đại diện lãnh đạo, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị trong Bộ.

Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng trực tiếp giới thiệu Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ); những định hướng lớn về cải cách hành chính trong giai đoạn tới; kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác cải cách hành chính và những bài học kinh nghiệm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông nói chung và các cơ quan, đơn vị trong Bộ nói riêng.

Trước đó, ngày 25/5/2022, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã tổ chức Hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó, Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông tăng 1 bậc so với năm 2020, từ vị trí thứ 10 lên vị trí thứ 9 với 86.75% (điểm thẩm định là 58.76 điểm, điểm điều tra xã hội học là 27.99 điểm, tổng điểm đạt được là 86.75 điểm).

*Mạnh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ

Theo Tổng cục Thuế, việc đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử nhằm đạt mục tiêu đến 01/7/2022, các tổ chức, doanh nghiệp trên toàn quốc sẽ áp dụng hóa đơn điện tử được coi là bước quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số của ngành, cùng với ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế sẽ tạo tiền đề hoàn thành Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Tổng cục Thuế cho biết, để đẩy mạnh hiện đại hóa, điện tử hóa ở tất cả các khâu quản lý thuế, tiếp nối triển khai thành công hóa đơn điện tử giai đoạn 1 tại 6 địa phương, ngày

21/4/2022, Tổng cục Thuế đã tiếp tục triển khai giai đoạn 2 tại 57 tỉnh, thành phố, theo Quyết định số 206/QĐ-BTC của Bộ Tài chính, đảm bảo hoàn thành triển khai thực hiện hóa đơn điện tử toàn quốc từ ngày 01/7/2022; góp phần xây dựng dữ liệu hóa đơn, dữ liệu người nộp thuế để áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu lớn; phục vụ cho công tác quản lý thuế hiệu quả, minh bạch.

Việc chuyển đổi số, trong đó có việc áp dụng hóa đơn điện tử sẽ giúp kiểm tra tính xác thực, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư, đất đai, thanh toán qua ngân hàng và quản lý thuế một cách chặt chẽ, ngăn chặn được hóa đơn giả, tránh mua bán trực lợi hóa đơn để hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh thương mại điện tử và bảo vệ môi trường kinh doanh phù hợp với xu thế hiện nay.

Theo Tổng cục Thuế, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, ngành Thuế tiếp tục triển khai cung cấp các dịch vụ điện tử cho người nộp thuế thông qua mở rộng ứng dụng Etax trên nền tảng Web sang ứng dụng Etax trên nền tảng thiết bị di động (Etax Mobile) cho người nộp thuế là cá nhân, hộ kinh doanh và tiếp theo là ứng dụng Etax Mobile cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi và đảm bảo an toàn, bảo mật khi tra cứu các thông tin về nghĩa vụ thuế, thông tin đăng ký về mã số thuế cá nhân, nhận thông báo thuế, nộp thuế điện tử thông qua liên kết với tài khoản ngân hàng và sử dụng các tiện ích khác...

Cùng với đó, triển khai Cổng thông tin điện tử dành riêng cho các nhà cung cấp nước ngoài thực hiện quyền kê khai, nộp thuế khi hoạt động kinh doanh tại Việt Nam nhưng không có cơ sở thường trú tại Việt Nam với 4 chức năng chính: đăng ký thuế, kê khai thuế, tra cứu thông tin nộp thuế, tra cứu thông tin hồ sơ khai thuế được thực hiện theo phương thức điện tử. Chương trình này đã mang lại tiện ích tối đa, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà cung cấp nước ngoài ở bất cứ nơi nào trên thế giới đều có thể đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế Việt Nam thông qua Cổng thông tin điện tử này.

“Đồng thời, cơ quan thuế tiếp tục triển khai tiếp nhận thông tin số định danh cá nhân phục vụ rà soát, chuẩn hóa thông tin người nộp thuế trên hệ thống quản lý thuế. Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin, sử dụng làm mã số thuế cá nhân, mã số người phụ thuộc và cập nhật, quản lý tình trạng hoạt động của người nộp thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước...” - Tổng cục Thuế cho hay.

### **Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế**

Cũng theo Tổng cục Thuế, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 01 và chương trình hành động của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tiếp tục triển khai các giải pháp cải cách thủ tục hành chính thuế; triển khai theo đúng tiến độ các dự án công nghệ thông tin; duy trì khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử; triển khai hóa đơn điện tử.

Trong đó, hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63 tỉnh, thành phố và 100% chi cục thuế trực thuộc. Tính đến ngày 19/4/2022, có 99,8% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử; về dịch vụ nộp thuế điện tử, các cục thuế triển khai tuyên truyền, vận động doanh nghiệp sử dụng dịch vụ, với 99% doanh nghiệp đăng ký tham gia. Từ ngày

01/01/2022 đến nay, các doanh nghiệp đã nộp tiền thuế thông qua 1.462.973 giao dịch nộp thuế điện tử với số tiền trên 258.204 tỷ đồng và 13.585.284 USD.

Về hoàn thuế điện tử, đã triển khai trên toàn quốc, trong đó số hồ sơ tiếp nhận là 6.972/7.030 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99%; hệ thống đã giải quyết 4.230 hồ sơ với tổng số tiền hơn 27.297 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, ngành Thuế đã kết nối với 7 ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho cá nhân, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy trên Cổng dịch vụ công quốc gia, hoặc qua các kênh thanh toán Internet banking, Mobile banking. Đến ngày 19/4/2022, đã có 104.644 giao dịch nộp lệ phí trước bạ ô tô, xe máy trên cả nước qua hình thức Internet banking, Mobile banking.

Với những kết quả trên, Tổng cục Thuế cho rằng, đây là tiền đề để ngành Thuế hoàn thành mục tiêu đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Ngày 21/3/2021, Tổng cục Thuế tổ chức lễ công bố Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế vào ngân sách nhà nước Việt Nam và triển khai ứng dụng Etax Mobile. Đến ngày 4/5/2022, đã có 129,4 nghìn lượt tải và cài đặt, sử dụng ứng dụng, 45.866 tài khoản đăng ký giao dịch, 23.809 giao dịch qua ngân hàng thương mại với tổng số tiền trên 159 tỷ đồng.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## CHUYỂN ĐỔI SỐ: 'CHÌA KHÓA' QUAN TRỌNG XÂY DỰNG HẢI QUAN SỐ

Chuyển đổi số là yêu cầu khách quan, là 'chìa khóa' và cơ sở vô cùng quan trọng để xây dựng hải quan số.

### **Giảm chi phí logistics, thông quan nhanh hàng hóa**

Theo Tổng cục Hải quan, hiện nay, Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính đặc biệt quan tâm thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; coi đây là động lực rất quan trọng trong xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, việc đẩy mạnh chuyển đổi số là yêu cầu khách quan, là chìa khóa và là cơ sở vô cùng quan trọng để xây dựng hải quan số và hải quan thông minh theo chủ trương chung của Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính về đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong thời gian tới.

"Việc đẩy mạnh chuyển đổi số của ngành Hải quan mang lại lợi ích to lớn không chỉ đối với ngành Hải quan mà còn mang lại lợi ích cho đất nước, cho hoạt động xuất nhập khẩu, của doanh nghiệp, các Bộ, ngành và các bên liên quan" - đại diện Tổng cục Hải quan cho biết.

Cụ thể, đối với ngành Hải quan, việc thực hiện chuyển đổi số sẽ giúp đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, nâng cao năng suất lao động của

cán bộ, công chức hải quan; cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan.

Đặc biệt, việc chuyển đổi số giúp cho việc thực hiện thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện thông qua hệ thống công nghệ thông tin và nguồn dữ liệu lớn với sự hỗ trợ mạnh mẽ của các công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data)...

Các hoạt động nghiệp vụ hải quan được quản lý tự động trên môi trường số cả trước thông quan, trong thông quan và sau thông quan, đảm bảo quản lý xuyên suốt từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Ngoài ra, việc thực hiện chuyển đổi số còn mang lại các lợi ích to lớn như: Quá trình thực hiện các hoạt động quản lý hải quan hiệu quả nhờ năng suất lao động cao hơn cho cả cơ quan hải quan và các doanh nghiệp; sử dụng các nguồn lực hiệu quả hơn; giảm chi phí cho cả cơ quan hải quan và các đối tác thương mại thông qua thông quan nhanh hàng hóa; thông tin kịp thời và chính xác hơn; khả năng kiểm soát tốt hơn; giảm tình trạng tắc nghẽn tại cảng, sân bay.

Tự động hóa thủ tục hải quan gắn liền với trao đổi thông tin điện tử như dữ liệu về hàng hóa và khai báo về hàng hóa, cho phép xử lý thông tin trước khi hàng đến hoặc trước khi hàng đi. Với thông tin đã có sẵn, quyết định giải phóng hàng hóa có thể được thực hiện ngay khi hàng hóa nhờ sử dụng phương thức điện tử.

Việc thực hiện chuyển đổi số của ngành Hải quan cũng mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: Thời gian thông quan hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục, cho phép doanh nghiệp khai báo và thực hiện thủ tục hải quan mọi lúc, mọi nơi, trên mọi phương tiện...

Bên cạnh đó, việc chuyển đổi số của ngành Hải quan góp phần nâng cao năng lực quản lý, nâng cao hiệu quả và tính minh bạch trong quản lý của các bộ, ngành, thúc đẩy hình thành Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở Việt Nam.

Cụ thể, các Bộ, ngành và các bên liên quan được chia sẻ thông tin về các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thông qua hệ thống mà không phải đề nghị cơ quan hải quan cung cấp khi phát sinh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, là cơ sở để phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở Việt Nam.

### **Phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành hải quan số**

Tại Quyết định số 707/QĐ-TCHQ phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Nguyễn Văn Cẩm vừa ký ban hành mới đây, đã đặt mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ hải quan một cách toàn diện, đồng bộ với chuyển đổi số phục vụ doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các Bộ, ngành trong triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN nhằm hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (phi giấy tờ).



Phần đầu đến năm 2025, hoàn thành hải quan số, trong đó thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý nhà nước về hải quan với hệ thống công nghệ thông tin có mức độ tích hợp cao, có tính mở, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đáp ứng toàn diện nhu cầu xử lý tự động tất cả các khâu nghiệp vụ hải quan từ khâu đầu đến khâu cuối, thực hiện thủ tục hải quan mọi lúc - mọi nơi - trên mọi phương tiện và nhu cầu khai thác thông tin, sử dụng thông tin trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất về công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Quyết định nêu rõ, 100% thủ tục hải quan được số hóa và thực hiện bằng phương thức điện tử; 95% các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan được chuyển sang dạng dữ liệu số (5% thuộc hồ sơ đặc biệt như hồ sơ mật, hồ sơ sử dụng khi hệ thống gặp sự cố...); 100% hồ sơ nghiệp vụ kiểm soát hải quan cơ bản được chuyển sang dữ liệu điện tử, tiến tới số hóa.

100% thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng cao được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho người dân, doanh nghiệp và được thực hiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; cung cấp dịch vụ công trực tuyến 24/7...

Theo đó, trong giai đoạn 2021 - 2025, nhiệm vụ chuyển đổi số ngành hải quan tập trung vào 03 nhiệm vụ lớn sau: Thứ nhất, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác nghiệp vụ hải quan với việc triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện hải quan số theo Quyết định số 97/QĐ-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thứ hai, đẩy mạnh chuyển đổi số trong triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN với việc phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng xử lý tập trung, đáp ứng yêu cầu triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN. Thứ ba, Chuyển đổi số phục vụ doanh nghiệp xuất nhập khẩu và chuyển đổi số trong công tác quản lý nội ngành như công tác quản lý văn bản, hành chính, công tác quản lý cán bộ, kế toán nội ngành...

*Nguồn: congthuong.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

**\* Bộ Giáo dục và Đào tạo đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông.**

Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng I phải có bằng thạc sĩ trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hoặc có bằng thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng thạc sĩ quản lý giáo dục trở lên.

Đối với cấp tiểu học, hạng I theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT là hạng mới được bổ sung so với quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV để bảo đảm việc chia hạng phù hợp với quy định về nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục 2019 và những yêu cầu của việc triển khai chương trình,

sách giáo khoa mới. Khi Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT được ban hành thì trong thực tiễn tạm thời chưa có giáo viên tiểu học hạng I. Khi nào cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II lên hạng I thì mới có trường hợp được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I.

Đối với cấp trung học cơ sở, việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I sẽ có 02 trường hợp xảy ra. Trường hợp thứ nhất: Giáo viên trung học cơ sở hạng I cũ đạt tiêu chuẩn của hạng I mới (bao gồm cả đạt trình độ thạc sĩ theo quy định) thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I mới. Trường hợp thứ hai: Giáo viên trung học cơ sở hạng I cũ chưa đạt tiêu chuẩn của hạng I mới (trong đó có trường hợp chưa có bằng thạc sĩ theo quy định) thì tạm thời bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II mới và giáo viên vẫn được bảo đảm về chế độ, chính sách hiện hưởng; sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng I mới thì bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I mới mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

Ở trường hợp thứ hai, mặc dù việc bổ nhiệm tạm thời vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II mới không phải là "rớt hạng" như tâm tư của một số giáo viên, mà là bổ nhiệm hạng tương ứng với mức độ đạt tiêu chuẩn theo quy định của hạng. Đồng thời, mọi chế độ, chính sách mà giáo viên hiện hưởng vẫn được bảo đảm, không có sự điều chỉnh nào. Tuy nhiên, việc này vẫn làm ảnh hưởng đến tâm lý của một bộ phận giáo viên trung học cơ sở.

Nắm bắt kịp thời tâm tư của đội ngũ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát lại quy định về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở trên cơ sở nghiên cứu yêu cầu của việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở. Theo đó, mục tiêu của giáo dục tiểu học là nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở. Mục tiêu của giáo dục trung học cơ sở là nhằm củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp. Như vậy, với yêu cầu giảng dạy, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng, việc quy định giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng I phải có trình độ thạc sĩ là không cần thiết.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết, khi các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT được địa phương triển khai thực hiện đã nảy sinh một số vướng mắc như sau: Giáo viên mầm non khi chưa đạt các tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp hạng II nên được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng III, được chuyển xếp lương từ viên chức loại A1 (2,34) sang A0 (2,10), tuy nhiên, Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT chưa hướng dẫn cụ thể việc xếp lương trong trường hợp này. Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở khi chuyển từ hạng II cũ sang hạng II mới được chuyển xếp lương từ viên chức loại A1 (2,34) sang A2.2 (4,0), những giáo viên đang được hưởng hệ số lương 2,34, 2,67, 3,00 (là trường hợp được bổ nhiệm hạng cao ngay sau tuyển dụng do có trình độ đào tạo cao hơn trình độ chuẩn theo quy định) và 3,33, 3,66, 3,99 đều được chuyển xếp vào hệ số lương 4,0.

Do đó, khi rà soát, xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu các phương án bổ nhiệm, xếp lương để khắc phục vướng mắc nói trên và bảo đảm nguyên tắc công bằng giữa giáo viên lâu năm và giáo viên có thời gian công tác ít hơn khi chuyển xếp lương trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Trong quá trình nghiên cứu và tham vấn ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến vẫn giữ nguyên quy định giáo viên được bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp nào thì được xếp lương theo hạng đó như hiện hành để bảo đảm tuân thủ đúng nguyên tắc xếp lương tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau: Khi bổ nhiệm từ hạng cũ sang hạng mới tương ứng chỉ xét 02 tiêu chuẩn: Trình độ đào tạo và thời gian giữ hạng thấp hơn liền kề; không yêu cầu giáo viên phải có minh chứng của các tiêu chuẩn khác. Trường hợp giáo viên chưa đạt tiêu chuẩn của hạng tương ứng (trình độ đào tạo và thời gian giữ hạng) thì giữ nguyên mã số, hệ số lương hiện hưởng, không bổ nhiệm hạng thấp hơn liền kề. Đối với giáo viên phổ thông: Giữ nguyên thời gian giữ hạng III là từ 9 năm trở lên. Đối với giáo viên mầm non: Điều chỉnh thời gian giữ hạng III từ 9 năm thành 3 năm trở lên, điều chỉnh thời gian giữ hạng II từ 6 năm thành 9 năm trở lên.

Dự kiến sửa đổi, bổ sung như trên sẽ giúp cho công tác bổ nhiệm, xếp lương được thực hiện đơn giản hơn, tránh phát sinh việc yêu cầu giáo viên cung cấp nhiều minh chứng không cần thiết. Đồng thời, khắc phục được vướng mắc trong việc xếp lương giáo viên mầm non và không có trường hợp giáo viên Tiểu học, Trung học cơ sở mới tuyển dụng đang giữ hệ số lương 2,34, 2,67, 3,00 được bổ nhiệm hạng II và chuyển xếp vào hệ số lương 4,00. Bảo đảm thống nhất về quy định thời gian giữ hạng giữa các cấp học và quy định của Bộ Nội vụ về thời gian giữ ngạch cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính.

**\* Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số nội dung thi hành Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (Mạng bưu chính KT1).**

Theo dự thảo, dịch vụ bưu chính KT1 là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 bao gồm thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trên Mạng bưu chính KT1 trong phạm vi nội tỉnh và liên tỉnh.

Dịch vụ KT1 Hỏa tốc là dịch vụ KT1 có yêu cầu về tốc độ xử lý nhanh. Dịch vụ KT1 Hẹn giờ là dịch vụ KT1 có yêu cầu phát bưu gửi KT1 đến địa chỉ nhận theo thời gian người gửi chỉ định.

Dịch vụ KT1 theo độ mật (A, B, C) là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 chứa bí mật nhà nước theo mức độ Tuyệt mật, Tối mật, Mật và có yêu cầu bảo đảm độ tin cậy cao khi vận chuyển và phát.

Dự thảo nêu rõ về chất lượng dịch vụ KT1. Về an toàn bưu gửi: 100% bưu gửi được phát đến địa chỉ nhận trong tình trạng không bị suy giảm, hư hỏng làm ảnh hưởng đến nội dung bưu gửi trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Thời gian phục vụ: Dịch vụ bưu chính KT1 được cung cấp liên tục 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ Tết.

Tần suất phát: Bưu gửi KT1 được phát tới cấp huyện tối thiểu 02 lần/ngày; tới cấp xã tối thiểu 01 lần/ngày; riêng các vùng có điều kiện địa lý đặc biệt, tần suất phát như phụ lục kèm theo.

Việc bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg và các yêu cầu sau:

Mạng bưu chính KT1 do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý, điều hành, khai thác được đầu tư trang thiết bị, phương tiện vận chuyển chuyên dùng; được bố trí lực lượng bảo vệ chuyên trách để bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ.

Mạng bưu chính công cộng khi cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phải đáp ứng các yêu cầu sau: Tại cấp tỉnh phải thành lập bưu cục khai thác dịch vụ bưu chính KT1; tại cấp huyện, xã phải bố trí riêng khu vực để khai thác dịch vụ bưu chính KT1.

Ưu tiên cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 trước tất cả các loại dịch vụ bưu chính khác. Cơ sở khai thác dịch vụ bưu chính KT1 phải có nội quy, thiết bị giám sát và kiểm soát người ra vào chặt chẽ.

Bưu gửi KT1 theo độ khẩn, độ mật được ưu tiên chấp nhận, vận chuyển và phát. Riêng đối với bưu gửi KT1 Tuyệt mật, phải bố trí 02 người đi phát bằng phương tiện ô tô ngay sau khi chấp nhận và khai thác.

Túi chứa bưu gửi KT1 có màu đỏ, được làm bằng chất liệu dai bền, chống cháy, chống thấm nước. Thùng chứa bưu gửi KT1 làm bằng chất liệu chống cháy, chống thấm nước, chống vỡ. Túi, thùng chứa bưu gửi KT1 được niêm phong hoặc có khóa bảo vệ, được định vị và giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình vận chuyển.

**\* Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.**

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, Việt Nam đã và đang thúc đẩy phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, với sự tham gia của các doanh nghiệp xây dựng, vận hành, khai thác hạ tầng trung tâm dữ liệu (doanh nghiệp trung tâm dữ liệu) lớn như Viettel, VNPT, FPT, CMC... Trong thời gian tới, việc phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu còn được hỗ trợ bởi sự chuyển dịch dữ liệu của doanh nghiệp, khách hàng sang nền tảng đám mây, cùng với việc phát triển các nền tảng số, giải pháp dữ liệu lớn, Internet vạn vật (IoT).

Các trung tâm dữ liệu chứa đựng khối lượng lớn các dữ liệu quan trọng và thiết yếu đối với hoạt động của các công ty và người tiêu dùng. Do vậy tính an toàn và độ sẵn sàng của trung tâm dữ liệu là cực kỳ quan trọng, đòi hỏi các trung tâm dữ liệu phải có hạ tầng kỹ thuật đủ mạnh, đáp ứng các yêu cầu cơ bản theo các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu. Triển khai thông tư này, các trung tâm dữ liệu đã tuân thủ những tiêu chuẩn cơ bản về hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời nhiều doanh nghiệp trung tâm dữ liệu đã tự nhận thức, lựa chọn áp dụng các

tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến để thiết kế, xây dựng, vận hành trung tâm dữ liệu. Tuy nhiên hiện nay chỉ các trung tâm dữ liệu lớn công bố tiêu chuẩn áp dụng (có chứng nhận) để quảng bá về năng lực trung tâm dữ liệu đáp ứng yêu cầu khách hàng.

Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT đã được ban hành khá lâu, việc công bố trung tâm dữ liệu phù hợp tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng theo văn bản này và các hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý còn hạn chế, điều này dẫn đến các vấn đề về chất lượng, độ an toàn của hạ tầng trung tâm dữ liệu. Bên cạnh đó, một số tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho trung tâm dữ liệu đã được cập nhật theo phiên bản mới.

Do vậy, việc nghiên cứu, xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT là cần thiết nhằm tăng cường quản lý trung tâm dữ liệu hướng tới một hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia hiện đại, sự phát triển thị trường trung tâm dữ liệu bền vững, đảm bảo quyền lợi của khách hàng.

### **Các điểm mới sửa đổi, bổ sung**

Về đối tượng áp dụng: Dự thảo sửa đổi quy định về đối tượng áp dụng, làm rõ đối tượng áp dụng của Thông tư là doanh nghiệp xây dựng, vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu có cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu khác (trung tâm dữ liệu viễn thông, trung tâm dữ liệu doanh nghiệp, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước) áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Thông tư.

Về tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng: Sửa đổi Thông tư để cập nhật TCVN 9250:2021 về hạ tầng viễn thông của trung tâm dữ liệu và các quy chuẩn kỹ thuật cập nhật về tiếp đất, chống sét, phòng chống cháy.

Về trách nhiệm của cơ quan quản lý: Bổ sung, tăng cường thực thi của cơ quan quản lý (Cục Viễn thông), cụ thể trong kiểm tra đột xuất các doanh nghiệp trung tâm dữ liệu khi có khiếu nại của khách hàng hoặc có dấu hiệu không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình tuân thủ của trung tâm dữ liệu.

Bổ sung trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Thông tư và trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các quy định về chỉ định, thừa nhận các tổ chức đánh giá, thử nghiệm, chứng nhận trung tâm dữ liệu phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng.

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.**

Theo dự thảo, mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm được quy định như sau:

Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến: Mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm (nếu có) được căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc thực tế theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các dự án, tiểu dự án không thuộc trường hợp quy định nêu trên mà không phải thực hiện cưỡng chế kiểm đếm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không quá 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án, tiểu dự án.

Dự thảo nêu rõ nội dung chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất gồm: Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất. Chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế; chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường liên quan đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo cơ chế tài chính áp dụng đối với tổ chức đó.

Về mức chi, dự thảo nêu rõ: Đối với các nội dung chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Chi phí trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện thông qua Hợp đồng được ký giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và đơn vị cung cấp dịch vụ. Đơn vị cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký và pháp luật có liên quan. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

Theo dự thảo, cơ quan, tổ chức, cá nhân (trừ các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 10 Luật Căn cước công dân) đề nghị khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thẩm quyền cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

Tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này gồm: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an); Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh; Công an cấp huyện và Công an cấp xã.

Dự thảo đề xuất mức phí xác thực thông tin công dân, khai thác kết quả thông tin như sau: Xác thực thông tin công dân bằng tin nhắn SMS, văn bản điện tử, văn bản giấy (sản phẩm SPDC01); tin nhắn SMS trả lời kết quả thông tin đề nghị khai thác (sản phẩm SPDC02); văn bản điện tử trả lời kết quả thông tin đề nghị khai thác qua cổng dịch vụ công (sản phẩm SPDC03); văn bản giấy trả lời kết quả thông tin đề nghị cung cấp (sản phẩm SPDC05)... có mức thu phí 1.000 đồng/trường thông tin.

Trong đó: Một trường thông tin là một thông tin về công dân được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Các thông tin về công dân được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được xác định gồm 18 thông tin cơ bản (18 trường thông tin) theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân ngày 20/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 37 Luật Cư trú ngày 13/11/2020).

Ví dụ 1: Tổ chức hành nghề công chứng có đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thẩm quyền xác thực tối đa 18 trường thông tin của một công dân. Khi được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thẩm quyền đồng ý và cung cấp thông tin, tổ chức hành nghề công chứng phải nộp phí xác thực thông tin công dân là: 18 trường thông tin x 1.000 đồng/trường thông tin = 18.000 đồng.

Ví dụ 2: Tổ chức bảo hiểm thương mại có đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thẩm quyền khai thác kết quả 10 trường thông tin của một công dân. Khi được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có thẩm quyền đồng ý và cung cấp thông tin, tổ chức bảo hiểm thương mại phải nộp phí khai thác kết quả thông tin là: 10 trường thông tin x 1.000 đồng/trường thông tin = 10.000 đồng.

**\* Bộ Quốc phòng đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định quy trình xử lý vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng.**

Dự thảo nêu rõ, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng khi thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm thu thập thông tin, tài liệu về vụ việc có dấu hiệu vi phạm hành chính từ các nguồn: Trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông báo của cấp trên hoặc do cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp; trình báo, đơn thư khiếu nại, tố cáo, tố giác vi phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; khi tiến hành kiểm tra, kiểm soát, quản lý địa bàn; các nguồn thông tin khác.

Sau khi thu thập, tiếp nhận thông tin, tài liệu về vụ vi phạm, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm xử lý theo trình tự sau đây: a) Đánh giá độ tin cậy và phân tích dữ liệu thông tin, tài liệu thu thập được; b) Báo cáo kịp thời cho người có thẩm quyền; c) Đánh giá, thẩm tra, xác minh, khi thấy có dấu hiệu vi phạm thì tổ chức xác minh, bổ sung, củng cố chứng cứ; d) Đối với thông tin có dấu hiệu vi phạm nhưng không thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của mình thì chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp.

Khi tiến hành hoạt động tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu về vụ vi phạm, căn cứ tính chất, mức độ của thông tin, tài liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự của người cung cấp thì người có thẩm quyền phải bảo mật thông tin, tài liệu, giữ bí mật nhân thân người cung cấp thông tin, tài liệu và có kế hoạch bảo đảm sự an toàn cho người cung cấp thông tin, tài liệu nếu người trình báo yêu cầu, không được tiết lộ thông tin, tài liệu cho người không có trách nhiệm.

Bên cạnh đó, dự thảo nêu rõ quy định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản. Khi phát hiện vi phạm hành chính đang diễn ra, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính

trong Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ quyết định buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính bằng lời nói, còi, hiệu lệnh hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Hành vi vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt quy định là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, đến 500.000 đồng đối với tổ chức.

Cá nhân hoặc tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt đối với mỗi hành vi đều là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, đến 500.000 đồng đối với tổ chức.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thì tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt theo thủ tục có lập biên bản theo quy định.

**\* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương hướng dẫn viên du lịch tại các đơn vị sự nghiệp công lập.**

Dự thảo nêu rõ nguyên tắc xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với hướng dẫn viên du lịch. Theo đó, việc bổ nhiệm và xếp lương vào các chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ và chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức.

Khi bổ nhiệm và xếp lương vào các chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Về cách xếp lương chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch được áp dụng Bảng 3 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau: a) Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng II được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78; b) Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng III được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98; c) Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng IV được áp dụng ngạch lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch thì thực hiện xếp bậc lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau: a) Trường hợp khi tuyển dụng viên chức có trình độ đào tạo tiến sĩ, phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng III: xếp bậc 3, hệ số lương 3,00, ngạch viên chức loại A1; b) Trường hợp khi tuyển dụng viên chức có trình độ đào tạo thạc sĩ, phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng III: xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 ngạch viên chức loại A1; c) Trường hợp khi tuyển dụng viên chức có trình độ đào tạo đại học phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng III: xếp bậc 1, hệ số lương



2,34, ngạch viên chức loại A1; d) Trường hợp khi tuyển dụng viên chức có trình độ đào tạo cao đẳng phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng IV: xếp bậc 2, hệ số lương 2,06, ngạch viên chức loại B; đ) Trường hợp viên chức khi tuyển dụng có trình độ đào tạo trung cấp phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch hạng IV: xếp bậc 1, hệ số lương 1,86, ngạch viên chức loại B.

Việc chuyển xếp lương đối với viên chức từ chức danh nghề nghiệp hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch quy định tại Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư số 02/2007/TT- BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## **HÀ NỘI: SỐ HÓA HỒ SƠ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỪ NGÀY 01/6**

Ngày 16/5, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Văn bản số 1468/UBND-KSTTHC về việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 54/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đề nghị thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận “một cửa” các sở, ngành từ ngày 01/6/2022 và tại Ủy ban nhân dân cấp huyện từ ngày 01/12/2022; thực hiện số hóa đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg từ ngày 01/7/2022.

Các sở, ban, ngành thành phố triển khai tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo danh mục và lộ trình, trong đó ưu tiên tích hợp các dịch vụ công thiết yếu theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời, chủ động xây dựng phương án và tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc cung ứng 25 dịch vụ công thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình.

Về việc triển khai chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội giao Sở Tư pháp khẩn trương tham mưu việc này trên toàn địa bàn thành phố để người dân không phải mang bản chính đến đối chiếu với bản sao nhằm giảm thiểu việc cung cấp thông tin và đi lại thực hiện thủ tục hành chính. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chủ động triển khai ngay trên địa bàn mình việc thực hiện thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội được giao phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chỉ tiêu tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đến từng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trên địa bàn.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: CÔNG BỐ CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ ỨNG DỤNG TRỰC TUYẾN “THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC”

Ngày 29/4, hòa trong không khí phấn khởi thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2022), Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức tổ chức lễ công bố Công thông tin điện tử TP. Thủ Đức và ứng dụng trực tuyến “Thành phố Thủ Đức”.

Công thông tin điện tử TP. Thủ Đức và ứng dụng trực tuyến “Thành phố Thủ Đức” là kênh thông tin cung cấp đầy đủ về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của thành phố; tích hợp các hệ thống thông tin một cửa điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 68 thủ tục hành chính từ cấp phường đến TP. Thủ Đức; tích hợp các ứng dụng phản ánh trật tự đô thị, thông tin quy hoạch,..., quét mã QR tra cứu kết quả thủ tục hành chính, lấy số thứ tự giải quyết hồ sơ trực tuyến, hệ thống tổng đài tự động thông qua tương tác với người dân bằng tin nhắn (Chatbot) hoặc giọng nói (Callbot); đăng ký tư vấn trong lĩnh vực xây dựng và các thủ tục hành chính khác, theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ hành chính, cung cấp thông tin công trình được cấp phép trên địa bàn TP. Thủ Đức...

Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức Hoàng Tùng đã công bố lễ ra mắt Công thông tin điện tử TP. Thủ Đức, ứng dụng trực tuyến “Thành phố Thủ Đức” và cho biết: để “Xây dựng TP. Thủ Đức trở thành đô thị thông minh, sáng tạo, có chất lượng cuộc sống tốt; văn minh - hiện đại - nghĩa tình; phát triển nhanh, bền vững” thì phải có sự đồng thuận giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Lãnh đạo TP. Thủ Đức luôn đặt nhu cầu của người dân lên hàng đầu, lắng nghe ý kiến của người dân thông qua các kênh thông tin của thành phố. Công thông tin điện tử TP. Thủ Đức, ứng dụng trực tuyến “Thành phố Thủ Đức” là kênh thông tin chính thức của TP. Thủ Đức, là mối liên kết giữa chính quyền và người dân. Đồng thời, kỳ vọng nhận được nhiều ý kiến đóng góp của Nhân dân, để hoạt động chính quyền ngày càng hoàn thiện hơn nữa, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ được giao trong thời gian tới; thực hiện tốt phương châm chính quyền hành động vì dân phục vụ.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi lễ, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi đề nghị lãnh đạo TP. Thủ Đức cần quan tâm hơn nữa, đặc biệt đề cao việc lấy người dân làm trung tâm, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, để người dân có cuộc sống tốt hơn, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển...; lãnh đạo TP. Thủ Đức phải luôn đặt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp lên hàng đầu, lắng nghe ý kiến của người dân thông qua các kênh thông tin chính thức. Đồng chí hy vọng trong thời gian tới, hoạt động chính quyền TP. Thủ Đức sẽ ngày càng hoàn thiện hơn, thực hiện tốt phương châm “Chính quyền hành động vì dân phục vụ”.

Trưởng phòng Phòng Nội vụ TP. Thủ Đức Phạm Hoa Mai đã thay mặt Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức phát động thi đua cải cách và sử dụng ứng dụng trực tuyến “thành phố Thủ Đức” và tuyên truyền, phổ biến công thông tin điện tử TP. Thủ Đức đến người dân.

*Trúc Anh, Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh*

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: BẢO HIỂM XÃ HỘI PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh vừa ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua về cải cách hành chính, nhân rộng mô hình, giải pháp, sáng kiến tiêu biểu về cải cách hành chính trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh năm 2022.

Theo đó, đối tượng của đợt thi đua là các tập thể, cá nhân viên chức, người lao động trong toàn hệ thống Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh. Thời gian thực hiện là trước ngày 31/5.

Mục đích của Kế hoạch nhằm phát huy truyền thống thi đua yêu nước, động viên tinh thần các tập thể, cá nhân có nhiều hoạt động cụ thể như tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp trọng tâm, trọng điểm để phấn đấu đến cuối năm 2022 hoàn thành các mục tiêu của Chương trình cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức ngành Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và ý nghĩa của công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến về cải cách hành chính; xem đây là một trong những yếu tố quan trọng, có tác dụng nêu gương, động viên các cá nhân, tập thể tham gia sáng tạo, đề xuất các sáng kiến thiết thực, hiệu quả phục vụ công tác cải cách hành chính, là động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giữ ổn định an ninh - trật tự của thành phố. Tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm, trọng điểm để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình cải cách hành chính.

Thông qua phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần tự giác, nỗ lực thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến về cải cách hành chính; tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, chất lượng công tác 2 thi đua, khen thưởng, là cơ sở tiến tới tham gia đăng ký dự thi Giải thưởng sáng tạo TP. Hồ Chí Minh lần thứ 3 - năm 2023, lĩnh vực 3: quản lý nhà nước.

Theo đại diện Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh, nội dung phong trào thi đua xoay quanh việc phấn đấu thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra theo Kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính của thành phố và Bảo hiểm xã hội thành phố năm 2022. Trọng tâm là nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh

nghiệp; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính. Thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động trong thực thi công vụ, vai trò giám sát của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện cải cách hành chính đối với các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Các cá nhân, tập thể có các mô hình sáng kiến, giải pháp, cách làm hay, hiệu quả trong thực hiện cải cách hành chính theo chủ đề năm 2022 của thành phố “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp”.

Kế hoạch cũng quy định việc tổ chức tổng kết, đánh giá; xét, tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua cải cách hành chính. Hội đồng thi đua khen thưởng Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh sẽ xem xét, lựa chọn tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua để đề xuất Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét khen thưởng cấp thành phố.

*Nguồn: daibieunhandan.vn*

## QUẢNG NINH: CỤC THUẾ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, chủ động ứng phó trước nguy cơ xuất hiện bất ngờ của thiên tai, dịch bệnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, mới đây Cục Thuế Quảng Ninh đã ban hành Công văn số 2946/CTQNI-VP nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đó, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đã yêu cầu các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, đổi mới phương thức làm việc, thúc đẩy việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thông qua việc triển khai có hiệu quả Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/5/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Tiếp tục triển khai hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh mới thành lập; các chi nhánh có trụ sở chính ngoài địa bàn tỉnh Quảng Ninh...

Trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu của người nộp thuế đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đó đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu, nhằm hạn chế tối đa việc người nộp thuế phải cung cấp, giải trình, đi lại nhiều lần; đồng thời tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các bộ phận chức năng thuộc cơ quan thuế, giữa các cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn theo quy định; trường hợp xảy ra tình trạng chậm, muộn trong giải quyết thủ tục hành chính phải thực hiện xin lỗi người nộp thuế.

Tiếp tục triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện niêm yết công khai về nội dung, địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị trên Website và tại trụ sở cơ quan Thuế các cấp theo quy định; chú trọng việc tiếp nhận thông tin đề nghị hỗ trợ của người nộp thuế, đảm bảo hướng dẫn giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế. Phân công trách nhiệm cụ thể trong việc theo dõi, ghi nhận đầy đủ các thông tin góp ý, xác minh, xử lý kịp thời; đồng thời công bố công khai kết quả xử lý các vi phạm.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới với người đứng đầu đơn vị khi để xảy ra việc công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình có hành vi gây nhũng nhiễu, phiền hà trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

Trong năm 2021 và Quý I/2022 toàn ngành Thuế tỉnh Quảng Ninh đã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn khoảng 430 nghìn hồ sơ; không phát sinh trường hợp người nộp thuế phản ánh, kiến nghị về hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước.

Hàng năm, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc, trực thuộc; đồng thời thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức thuế; nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu nhằm thực hiện tốt tuyên ngôn ngành thuế Việt Nam "Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới".

*Nguồn: tapchitaichinh.vn*

## HUNG YÊN: NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG

Trong những năm qua, tỉnh Hưng Yên đã quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quan trọng mang tính đột phá, hướng tới phục vụ Nhân dân, mang lại những kết quả tích cực, góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, phục vụ Nhân dân.

Theo Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2021 tỉnh Hưng Yên có tổng điểm số là 45.366 điểm tăng 3.196 điểm so với năm 2020; xếp vị trí thứ 5 trong cả nước, tăng 39 bậc so với năm 2020. Điểm nổi bật, tỉnh Hưng Yên có 4 nội dung trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất toàn quốc gồm: Tham gia của người dân, công khai minh bạch, kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công.

Đạt kết quả nêu trên, hằng năm tỉnh Hưng Yên ban hành và triển khai có hiệu quả kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công; trong đó đề ra các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành đối với từng nhiệm vụ cụ thể, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan. Tổ chức các lớp tập huấn trang bị những kiến thức về nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công cho các đối tượng thuộc các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành và triển khai bộ chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công đối với các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh trên cơ sở kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh những năm trước. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan có liên quan rà soát, phân tích kết quả thực hiện theo các trục nội dung của chỉ số, từ đó xác định rõ những mặt đã làm được, những mặt còn hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong triển khai nhiệm vụ được giao.

Tổ chức các hội nghị chuyên đề tìm giải pháp cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Các cấp, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân hiểu về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn giải quyết tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao trách nhiệm trong công việc; tạo sự thay đổi nhận thức về hành chính công, tạo được mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền và người dân.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên Nguyễn Thị Thiều Hương cho biết: Khi triển khai bộ chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công đối với các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Hưng Yên không chỉ tổ chức khảo sát hiệu ứng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước, mà còn đánh giá kết quả triển khai chỉ đạo, điều hành của chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố và cấp xã.

Cách làm này có một ý nghĩa rất lớn, thông qua kết quả đánh giá buộc các cấp chính quyền phải đổi mới theo hướng vì dân phục vụ và thông qua cảm nhận của người dân khi được khảo sát sẽ là kênh thông tin quan trọng không chỉ phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân ở cơ sở, mà còn là căn cứ cho hệ thống chính quyền các cấp, kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách và phương pháp hoạt động cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, một bộ phận Nhân dân vẫn chưa hài lòng về môi trường trên sông Bắc Hưng Hải và các sông nhánh trên địa bàn tỉnh do phải tiếp nhận nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề, dân sinh và nguồn nước ô nhiễm khác xả vào; có thời điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến việc lấy nước tưới tiêu phục vụ nông nghiệp và sinh hoạt của Nhân dân.

Một bộ phận dân cư, chủ yếu là lao động nông thôn, khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin còn thấp; tâm lý và thói quen, lo ngại về sự không thuận tiện, mất an toàn thông tin khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến nên tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn chưa cao...

Để tiếp tục duy trì, nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công trong những năm tiếp theo, các cấp, các ngành của tỉnh Hưng Yên đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy hành chính các cấp, cung ứng tốt nhất các dịch vụ hành chính công, phát huy vai trò và huy động sự vào cuộc của Nhân dân và doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, cởi mở, tâm lý phấn chấn, lòng tin mạnh mẽ cho người dân và doanh nghiệp, trong đó tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước.

Tăng cường triển khai, thực hiện cải cách hành chính; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường việc giải quyết Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh trên môi trường điện tử, thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh qua dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công, hệ thống phần mềm một cửa điện tử cấp huyện, cấp xã và dịch vụ bưu chính công ích. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng hồ sơ đã được cá nhân, tổ chức gửi nhưng không được tiếp nhận, xử lý.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, trao đổi văn bản trên môi trường mạng. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trách nhiệm giải trình, đối thoại với người dân; tạo điều kiện thuận lợi để người dân được tham gia đối thoại tại cấp cơ sở và tham gia đóng góp ý kiến về các vấn đề bức xúc của người dân. Chú trọng các nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khung giá đền bù, về thu, chi ngân sách địa phương và các nội dung về chế độ chính sách cho người dân. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của người dân bảo đảm đúng quy định pháp luật, tránh khiếu nại vượt cấp, kéo dài.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; các quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại cộng đồng dân cư, bảo đảm người dân hiểu biết và thực hiện được các quy định pháp luật liên quan đến đời sống; nâng cao ý thức về quyền lợi, nghĩa vụ trong việc tham gia vào đời sống chính trị tại cơ sở, cùng tham gia phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan hành chính nhà nước.

*Nguồn: nhandan.vn*

## THÁI NGUYÊN: HƠN 3.100 DOANH NGHIỆP SẼ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Theo Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Thái Nguyên sẽ áp dụng bộ chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để đánh giá rộng rãi hơn 3.100 doanh nghiệp tại địa phương.



## **Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số để nâng năng lực cạnh tranh**

Trong hướng dẫn các Bộ, tỉnh về một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xác định rõ 1 trong 22 nhiệm vụ vừa mang tính trung hạn vừa có tính ưu tiên triển khai trong năm 2022 là ban hành chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

Trong đó, chú trọng các chỉ tiêu: số doanh nghiệp thực hiện đánh giá, xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số trên cổng [dbi.gov.vn](http://dbi.gov.vn); Số doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số (trên cổng SMEdx tại địa chỉ [medx.mic.gov.vn](http://medx.mic.gov.vn)).

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên mới đây đã ra kế hoạch triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn.

Đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn với quy mô khác nhau có nhu cầu chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

Các cơ quan, tổ chức quản lý hoặc chủ trì triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển kinh tế số và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan cũng là đối tượng áp dụng kế hoạch này.

Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên hướng tới mục tiêu đẩy nhanh chuyển đổi số của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh thông qua Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành cuối năm ngoái.

Cùng với đó, hỗ trợ chuyển đổi số giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị chức năng đưa ra giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, địa phương; đồng thời có thêm công cụ đánh giá hiệu quả quá trình triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

Yêu cầu đặt ra là triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo những chuyển biến tích cực cho quá trình chuyển đổi số của Thái Nguyên; xác định, phân công rõ nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị.

### **Sẽ xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tại Thái Nguyên**

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định 5 nhóm nhiệm vụ chính gồm: Truyền thông, tuyên truyền; Tổ chức đánh giá, xác định chỉ số chuyển đổi số cho doanh nghiệp; Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và tổ chức mạng lưới tư vấn kinh tế số, chuyển đổi số doanh nghiệp; Hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển đổi số; Tổ chức hội thảo, hội nghị tập huấn về chuyển đổi số.

Với mỗi nhóm nhiệm vụ, nhiều giải pháp đã được đưa ra. Đơn cử như đánh giá, xác định chỉ số chuyển đổi số cho doanh nghiệp, trên cơ sở danh sách tổng hợp các doanh nghiệp trong từng ngành, lĩnh vực, tỉnh Thái Nguyên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp về bộ chỉ số đánh giá

mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng được hướng dẫn đăng ký tài khoản trên cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ [dbi.gov.vn](http://dbi.gov.vn) để tự đánh giá (nếu đủ năng lực); hoặc đề nghị đơn vị tư vấn hỗ trợ xác định mức độ chuyển đổi số. Từ đó, có các giải pháp sử dụng nền tảng số phù hợp để chuyển đổi số nhanh và hiệu quả.

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan được giao chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các cơ quan liên quan thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn.

Phối hợp với Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức hướng dẫn triển khai bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; mạng lưới tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp và các nội dung khác thuộc Đề án trên địa bàn Thái Nguyên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên còn giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, bố trí nguồn lực để triển khai kế hoạch và các giải pháp, nhiệm vụ thuộc Đề án để thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Trong kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đặt mục tiêu có 150.000 người tiếp cận qua cổng [Smedx.vn](http://Smedx.vn); 30.000 doanh nghiệp sử dụng các nền tảng để chuyển đổi số. Một điểm mới của chương trình SMEdx năm nay chính là bộ công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp. Đây được coi là thước đo đánh giá mức độ sẵn sàng, mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước.

*Nguồn: [ictnews.vietnamnet.vn](http://ictnews.vietnamnet.vn)*

## HÀ TỈNH: TINH GIẢN TRÊN 1.300 CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ SAU SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Kết quả sau khi sắp xếp các xã, Hà Tĩnh đã tinh giản được trên 1.300 cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên cấp xã cũng như giảm chi thường xuyên.

Là một trong những tỉnh, thành có nhiều xã, phường thực hiện sáp nhập (80 xã) theo Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, đến nay hoạt động của đơn vị hành chính cấp xã mới ở Hà Tĩnh cho thấy sự đúng của chủ trương này.

Phóng viên VOV phỏng vấn Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh Phan Thị Tố Hoa về nội dung này.

**Phóng viên:** Bà có đánh giá như thế nào về hiệu quả hoạt động của các đơn vị hành chính cấp xã mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh sau hơn 2 năm sáp nhập?

**Bà Phan Thị Tố Hoa:** Sau sắp xếp, tỉnh Hà Tĩnh đã thành lập được các đơn vị hành chính mới có quy mô phù hợp theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chí của đơn vị hành chính cấp xã. Từ đó, có không gian rộng lớn hơn để phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả sau khi sắp xếp đã tinh giản được số lượng biên chế khá lớn - tinh giản được trên 1.300 cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên cấp xã cũng như giảm chi thường xuyên.

Qua sáp nhập, có cơ sở để sàng lọc và lựa chọn cán bộ, vì trên cơ sở 2 xã, 3 xã sắp xếp để thành 1 xã, từ 2 đội ngũ, 3 đội ngũ đã sàng lọc, lựa chọn còn lại 1 đội ngũ. Như vậy có 1 đội ngũ cán bộ công chức cấp xã chất lượng tốt hơn và thực hiện công việc hiệu quả hơn. Và điều quan trọng là sau sắp xếp, các xã ổn định, tiếp tục phát triển về mọi mặt.

**Phóng viên:** Mục tiêu cao nhất của chủ trương sáp nhập xã là nhằm phục vụ người dân ngày một tốt hơn. Từ thực tế ở tỉnh Hà Tĩnh, bà có thể chia sẻ về những phản hồi của người dân?

**Bà Phan Thị Tố Hoa:** Khi chúng ta tiến hành sắp xếp xã thì đã lấy ý kiến của người dân và ở Hà Tĩnh, người dân đồng tình rất cao về chủ trương này. Nhìn chung, tại các địa phương sau sắp xếp, việc giải quyết thủ tục hành chính đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, người dân rất hài lòng.

Tuy nhiên, người dân cũng có một số khó khăn hơn, đó là việc đi lại, đến trụ sở xã có thể xa hơn, vì xã trước đây nhỏ, bây giờ rộng hơn. Bước đầu có những e ngại, nhưng đến bây giờ người dân đồng thuận và ủng hộ chủ trương này.

**Phóng viên:** Việc sáp nhập xã, rõ ràng không chỉ diện tích, quy mô dân số thay đổi - theo hướng tăng lên mà công việc của cán bộ, công chức cũng nhiều hơn. Bà có nhận được ý kiến của cán bộ ở các đơn vị hành chính cấp xã mới rằng, công việc của họ nặng hơn rất nhiều?

**Bà Phan Thị Tố Hoa:** Thực ra đã có ý kiến như vậy, nhưng ý kiến như vậy là không phù hợp. Vì chúng ta đang sáp nhập các xã nhỏ, có tiêu chí thấp, dưới 50% cả hai tiêu chí - đó là diện tích và dân số của cả giai đoạn vừa rồi. Việc sáp nhập nhằm mục đích bằng với tiêu chí quy định và bằng với xã bên cạnh.

Do vậy, xét về sự tương đồng thì cán bộ công chức ở các địa phương sau sắp xếp cũng giống như các địa phương khác. Họ băn khoăn vì trước đây họ làm ở xã nhỏ, nên thuận lợi trong đi lại, việc giải quyết thủ tục hành chính ít vì số dân ít. Bây giờ, về với xã mới rộng lớn hơn thì khối lượng công việc sẽ nhiều hơn, nhưng đó là để phù hợp với quy định của pháp luật và tương đồng với các đơn vị hành chính cấp xã khác ở địa phương.

**Phóng viên:** Xin cảm ơn bà.

*Nguồn: vov.vn*

## ĐỒNG NAI: HIỆU QUẢ TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Dịch vụ công trực tuyến đang mang lại nhiều lợi ích cho người dân và doanh nghiệp. Thay vì mất thời gian trực tiếp đi giải quyết các thủ tục hành chính, người dân có thể ngồi tại nhà thao tác hoàn toàn trên điện thoại thông minh một cách khá dễ dàng và tiện lợi.

Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh Nguyễn Thị Thanh Thảo cho biết: “Đến nay, tỉnh Đồng Nai đã có trên 1.229 dịch vụ công trực tuyến đạt cấp độ 3 và 4 (xếp thứ 12/63 tỉnh, thành trong cả nước). Với một tỉnh có quy mô lớn về mọi mặt thì hiệu quả từ dịch vụ công trực tuyến mang lại là rất to lớn”.

### Nhiều tiện ích nên khai thác

Để sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, người dân chỉ cần vào Cổng dịch vụ công của tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia để mở tài khoản, tương tự như lập tài khoản email cá nhân. Khi được cấp tài khoản, người dùng có thể đăng nhập và giải quyết nhiều thủ tục hành chính ở từng cấp độ khác nhau trên cổng dịch vụ công. Chẳng hạn như làm giấy khai sinh, chuyển trường, phiếu lý lịch tư pháp, đăng ký kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính, đăng ký thường trú và tạm trú...

Đơn cử, lần đầu tiên trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2022 này, tất cả các thí sinh đều phải thực hiện đăng ký dự thi và xét tuyển bằng hình thức trực tuyến ở cấp độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Theo lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, mỗi năm tỉnh Đồng Nai có khoảng 32 ngàn thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng. Nếu đăng ký bằng bản giấy như cũ kèm theo chi phí chuyển phát hồ sơ thì số tiền phát sinh không hề nhỏ, đó là chưa kể hồ sơ có thể bị thất lạc.

**Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Tiến Dũng:** Xây dựng môi trường hành chính minh bạch và chuyên nghiệp.

Cải cách hành chính, trong đó cải cách thủ tục hành chính có vai trò đặc biệt quan trọng trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới. Muốn làm được điều đó phải xây dựng cho được môi trường hành chính minh bạch và chuyên nghiệp. Bên cạnh yếu tố con người, phải thực hiện triệt để và hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số trong cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Anh Phạm Văn Út (ngụ P.Hòa Bình, TP. Biên Hòa) cho biết, trước đây phải đến Ủy ban nhân dân phường mới làm được giấy khai sinh cho con, giờ ngồi ở nhà vẫn có thể hoàn thành thủ tục này dễ dàng. Nếu có vướng mắc trong thao tác thì có thể tham khảo các clip hướng dẫn và làm theo, hoặc có thể gọi điện đến Tổng đài dịch vụ công trực tuyến 1022 để được hỗ trợ. Một trong những cải thiện rất rõ khi giải quyết dịch vụ công trực tuyến hiện nay đó là tốc độ xử lý các thao tác khá nhanh so với trước.

Chị Phạm Thị Thu Hà (ngụ xã Quảng Tiên, huyện Trảng Bom) chia sẻ, chị thường ưu tiên nộp hồ sơ trực tuyến thay vì trực tiếp, nếu dịch vụ công trực tuyến đó đã đạt được cấp độ 4. Chẳng hạn, khi đăng ký kinh doanh, chị không nhất thiết phải mang hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư như trước. Hay, khi thanh toán tiền điện, nước sinh hoạt, từ lâu chị không còn phải đến tận nhà cung cấp dịch vụ thanh toán mà hoàn toàn thực hiện trực tuyến với thời gian rút ngắn và rất tiện lợi.

Trước đây, người dân muốn được cấp phiếu lý lịch tư pháp sẽ phải trực tiếp đến cơ quan chức năng nộp hồ sơ. Với những người ở xa, hay ở nước ngoài càng gặp khó khăn và phiền hà. Tuy nhiên, thủ tục này đã được nâng thành dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4, do đó rất tiện lợi cho người dân khi làm thủ tục. Không chỉ người dân trong tỉnh, người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài vẫn có thể được cấp phiếu lý lịch tư pháp thông qua thao tác trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Người dân có thể nhận kết quả phiếu lý lịch tư pháp bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

### **Cải thiện số lượng kèm chất lượng**

Cải cách hành chính và thủ tục hành chính được xác định là một trong những nhiệm vụ đột phá nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của tỉnh. Từ giữa tháng 5/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến cấp độ 4 của các sở, ngành thuộc tỉnh. Cùng với nguồn nhân lực, tỉnh đã đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng cho quá trình tiếp nhận và xử lý các dịch vụ công trực tuyến, hạn chế tối đa sự cố nghẽn đường truyền giao dịch trực tuyến.

Theo Sở Nội vụ, tính đến nay, Đồng Nai đã có 1.229 dịch vụ công cấp độ 3 và 4 (gồm 295 dịch vụ công cấp độ 3 và 934 dịch vụ công cấp độ 4). Tỉnh đã tiến hành tích hợp 954 dịch vụ công lên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó có 339 dịch vụ công cấp độ 3 và 615 dịch vụ công cấp độ 4 (đạt tỷ lệ 77%). Bên cạnh đó, tỉnh đã tích hợp trên Cổng thanh toán trực tuyến đối với 276 thủ tục trực tuyến cấp độ 3 và 4 có phát sinh phí, lệ phí.

Ông Nguyễn Đình Giáp, chuyên viên phụ trách theo dõi dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4 của Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai cho biết, sau thời gian quyết liệt nâng cao số lượng các dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4, đến nay nhiều sở, ngành của tỉnh đã đạt được tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến ở cấp độ 3 và 4 khá cao, trên 85%. Trong đó, phải kể đến các Sở: Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp... Chẳng hạn, đối với hoạt động đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, đã có trên 90% hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả bằng hình thức trực tuyến cấp độ 4.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Văn Hà cho biết, khi hồ sơ đăng ký kinh doanh được tiếp nhận, thẩm định và xử lý toàn bộ trên môi trường điện tử, Ban giám đốc rất thuận lợi trong theo dõi, kiểm tra hằng ngày. Cụ thể là, xem tiến độ xử lý đến đâu, tắc khâu nào, nguyên nhân vì sao và trách nhiệm thuộc về ai. Nếu trễ mà không giải thích được nguyên nhân thì người trực tiếp xử lý hồ sơ sẽ phải chịu trách nhiệm giải trình cụ thể với Ban giám đốc.

Không chỉ có các sở, ngành, nhiều địa phương cũng đang nỗ lực nâng cao chất lượng cải cách hành chính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa Nguyễn Hữu Nguyên cho biết, để nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính, thành phố đã chuyển trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân về tòa nhà Trung tâm Hành chính tập trung tại P.Thống Nhất cùng với 15 phòng, ban và trung tâm. Thời gian tới, thành phố sẽ quyết liệt hơn nữa trong hiện đại nền hành chính với việc tăng dần số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến ở cấp độ 3 và 4, đặc biệt ưu tiên cho những dịch vụ công thiết yếu.

*Nguồn: baodongnai.com.vn*

## BỐN VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC HIỆN NAY

"Tập trung bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý và kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm". Đó là 1 trong 4 vấn đề được PGS. TS. Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ đặt ra khi chia sẻ với Tạp chí Tổ chức nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hiện nay.

### 4 vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Để xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế, theo PGS. TS. Triệu Văn Cường, có 4 vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hiện nay:

Một là, nâng cao nhận thức của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trước hết phải đổi mới nhận thức, tư duy về chức năng, nhiệm vụ của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức - đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách đào tạo, bồi dưỡng: học để làm việc tốt hơn, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hai là, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đối với cán bộ, công chức. Quy định rõ nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng cán bộ, công chức. Có cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập nâng cao trình độ phục vụ yêu cầu công việc; cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức nữ, người dân tộc thiểu số học tập nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc.

Ba là, tập trung bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý và kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và làm việc trong môi trường quốc tế.

Bốn là, thực hiện tốt việc sắp xếp, đổi mới hệ thống tổ chức bộ máy của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tinh gọn về tổ chức, bộ máy, cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học thuận lợi, hiệu quả; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên cơ hữu; chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng; nâng cao năng lực biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đối với các chương trình được phân cấp, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

### 4 giải pháp, nhiệm vụ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt hiệu quả cao, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Triệu Văn Cường đưa ra 4 giải pháp, nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Nâng cao nhận thức về vai trò, nhiệm vụ của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó: 1) Không ngừng nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức là giải pháp quan trọng hàng đầu góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế của Đảng, Nhà nước. 2) Quán triệt và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh: “học để làm việc”, “làm việc gì thì học để làm việc ấy cho tốt”. 3) Đề cao tinh thần học và tự học; tăng cường nhận thức về trách nhiệm học tập suốt đời, không ngừng nâng cao năng lực làm việc, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tạo điều kiện và hỗ trợ cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm làm việc để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác. 4) Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ năng lực đều được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia tổ chức bồi dưỡng; cán bộ, công chức được lựa chọn những chương trình bồi dưỡng cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng phù hợp với công việc, vị trí việc làm đang đảm nhận.

Thứ hai, xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ, khoa học về công tác đào tạo, bồi dưỡng. Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu xây dựng quy định về điều kiện, tiêu chuẩn cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Xây dựng cơ chế đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sử dụng cán bộ, công chức trong việc xác định nhu cầu và cử cán bộ, công chức tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm hiệu quả gắn với yêu cầu công việc; cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức học và tự học để đáp ứng yêu cầu trình độ theo quy định, nâng cao trình độ và năng lực làm việc.

Thứ ba, sắp xếp, nâng cao năng lực, chất lượng hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và năng lực quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng. Nghiên cứu sắp xếp hệ thống tổ chức các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo hướng tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô, hình thức đào tạo, bồi dưỡng; có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cần xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng và có kế hoạch thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực, trình độ và phương pháp sư phạm cho giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng quy định trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy cập nhật kiến thức, trang bị kỹ năng, phương pháp và trao đổi kinh nghiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ phù hợp với Bộ, ngành, địa phương. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, bảo đảm nâng cao chất lượng các điều kiện dạy và học.

Quán triệt nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị sử dụng cán bộ, công chức đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nâng



cao nghiệp vụ, kỹ năng và phương pháp quản lý cho đội ngũ công chức tham mưu quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành, địa phương.

Thứ tư, thực hiện quản lý chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng với nhiều hình thức khác nhau như: đánh giá trong, đánh giá ngoài hoặc thuê cơ quan đánh giá độc lập. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tổ chức thực hiện quản lý chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Yêu cầu của cải cách hành chính, cải cách công vụ và hội nhập quốc tế đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải nâng cao năng lực, đáp ứng được yêu cầu của khung năng lực theo vị trí việc làm. Do đó, cơ quan quản lý cán bộ, công chức và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cần đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng từ chương trình, phương pháp tiếp cận, hình thức giảng dạy và tiêu chí đo lường, đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hiện nay.

*Nguồn: tcnn.vn*

## TẬP TRUNG THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA MẠNH MẼ, ĐỒNG BỘ, TOÀN DIỆN

Nhiệm vụ rất quan trọng hiện nay là tập trung cao cho việc thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia thật mạnh mẽ, thật đồng bộ, thật toàn diện từ Trung ương đến cấp cơ sở. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực cải cách nền hành chính. Thông qua đó, thúc đẩy Chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

Trả lời phỏng vấn phóng viên Thông tấn xã Việt Nam bên lề Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương diễn ra sáng ngày 25/5, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ cho biết, nhiệm vụ cấp bách và quan trọng hiện nay là tập trung cao cho việc thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia thật mạnh mẽ, đồng bộ, toàn diện từ Trung ương đến cấp cơ sở.

**Phóng viên:** Chúng ta đã trải qua một năm với rất nhiều khó khăn, nhiều hoạt động phải gián đoạn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Thưa Bộ trưởng, điều này đã tác động thế nào đến việc thực hiện đánh giá các Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng năm 2021?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Trong bối cảnh năm 2021, đại dịch COVID - 19 diễn biến hết sức phức tạp, nặng nề, làm tổn thất lớn đến tính mạng, sức khỏe của người dân và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan đã có nỗ lực rất lớn và có những đổi mới, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn, để triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức, đem từng lá phiếu khảo sát đến đúng từng người dân, tổ chức đã được chọn khảo sát ở khắp vùng, miền trong cả nước, để hôm nay, chúng ta có thể công bố hai chỉ số quan trọng này. Tôi thấy đây là điều rất đáng mừng.

Năm qua, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng công tác cải cách hành chính tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo xuyên suốt, linh hoạt, sáng tạo và kịp thời thích ứng với tình hình mới. Đây cũng là năm thứ 10 liên tiếp, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan triển khai xác định, công bố Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh, thành phố; là năm thứ 5 triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Quá trình triển khai nghiêm túc, dân chủ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là sự phối hợp, hỗ trợ của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Tổng công ty Bru điện Việt Nam.

**Phóng viên:** Kết quả công bố Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 cho thấy đã có những thay đổi, Bộ trưởng đánh giá như thế nào về sự thay đổi đó?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Năm đầu thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã có những chỉ đạo quyết liệt nhằm tập trung thực hiện nghiêm túc, tích cực, hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP, gắn với năm bản lề thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Nhìn lại năm 2021 vừa qua, chúng ta thấy rằng, những nỗ lực cải cách hành chính của Chính phủ và các ngành, các cấp đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét trên nhiều lĩnh vực; hàng loạt rào cản, khó khăn và thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn lực đã được kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ và giải quyết, nhất là những vấn đề cấp bách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch COVID-19; đóng góp quan trọng vào thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong năm 2021 và tiếp tục duy trì triển vọng tích cực của nền kinh tế trong năm 2022 và những năm tiếp theo, củng cố niềm tin của người dân và cộng đồng doanh nghiệp vào sự lãnh đạo của Đảng và sự hiệu quả trong quản lý, điều hành của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp.

Rõ nét nhất là sự hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính đã được nâng lên. Chúng ta đều biết những giá trị trung bình của chỉ số này đã được thể hiện rất cụ thể, đã đạt được 87,16%, đây cũng là chỉ số đáng ghi nhận, tăng hơn so với năm 2020.

Cải cách hành chính đã có những chuyển biến tích cực, nhất là cải cách về thể chế có chuyển biến, chất lượng và hiệu quả xây dựng thể chế, chính sách đã được quan tâm, chỉ đạo một cách rất đồng bộ và quyết liệt.

Thứ hai, cải cách thủ tục hành chính, mà nổi lên là dịch vụ công trực tuyến quốc gia đạt kết quả rất tích cực. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 đã đạt được 76%, trong khi năm 2020 chỉ đạt được 30%.

Thứ ba, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, chúng ta đã đạt được mục tiêu đề ra theo sự chỉ đạo của Trung ương.

Thứ tư, chúng ta đã thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi số quốc gia. Vì vậy, đã góp phần tích cực vào việc xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, từ đó làm cơ sở, nền tảng quan trọng để đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia. Việc này các địa phương cũng rất nỗ lực thực hiện. Có thể nói, trong bối cảnh đặc biệt khó khăn của năm 2021 do tác động của đại dịch COVID-19 nhưng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã hết sức quan tâm chú trọng thúc đẩy cải cách hành chính, góp phần vào việc xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân một cách rõ nét hơn.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, đầu tiên là việc xây dựng thể chế chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện có những mặt chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Đây cũng là rào cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cũng như sự phục hồi kinh tế - xã hội của chúng ta trong năm 2021.

Ngoài ra, việc tập trung thực hiện cải cách hành chính còn có những mặt hạn chế, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh, ảnh hưởng đến mong đợi của người dân đối với

một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp và một nền hành chính chúng ta đang hướng tới là phục vụ nhân dân.

**Phóng viên:** Theo Bộ trưởng, trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương cần có hành động gì để công tác cải cách hành chính đạt được những kết quả như mong muốn?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Thời gian tới, chúng ta còn rất nhiều việc phải làm, trong đó trọng tâm, cốt lõi có 5 nội dung cơ bản. Một là, tập trung một cách đồng bộ, quyết liệt cho cải cách thể chế, chính sách để tháo gỡ mọi rào cản; tập trung nguồn lực để thúc đẩy phát triển, hồi phục kinh tế - xã hội nhanh nhất.

Hai là, tiếp tục tập trung cao cho cải cách thủ tục hành chính, nhất là phát huy cao độ hơn nữa dịch vụ công trực tuyến để đảm bảo đẩy mạnh chuyển đổi số trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Ba là, hơn lúc nào hết, chúng ta phải xác định việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với việc phát huy cao hơn nữa chất lượng của nền hành chính trong yêu cầu mới. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Bốn là, quan tâm, chú trọng cải cách chế độ công vụ, công chức, nâng cao văn hóa công vụ để phát huy được trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp một cách đảm bảo đạt yêu cầu tốt hơn.

Nhiệm vụ cuối cùng rất cấp bách và quan trọng hiện nay là tập trung cao cho việc thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia thật mạnh mẽ, thật đồng bộ, thật toàn diện từ Trung ương đến cấp cơ sở. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực cải cách nền hành chính. Thông qua đó, thúc đẩy Chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

Những nhiệm vụ trên hết sức quan trọng để chúng ta đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước thực sự là nền hành chính của dân, do dân và vì dân.

**Phóng viên:** Với vai trò là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ có những giải pháp gì để đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, thưa Bộ trưởng?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Chúng tôi sẽ tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành địa phương xây dựng và tổ chức kế hoạch cải cách hành chính hàng năm đồng bộ, toàn diện, trong đó, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ, xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, trong sạch, phục vụ Nhân dân.

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành địa phương có giải pháp cụ thể, đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, đặc biệt là trong hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, gắn với việc nâng cao

vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ cải cách hành chính được giao.

Đồng thời, tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính, tham nhũng, tiêu cực và gây phiền hà cho nhân dân.

Bộ Nội vụ cũng sẽ tiếp tục tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, lắng nghe ý kiến người dân để có cơ sở khách quan cho việc ra quyết định chính sách, thiết kế, cung ứng dịch vụ công đảm bảo lấy người dân làm trung tâm phục vụ, nâng cao chất lượng sống và mang lại sự hài lòng cho người dân.

Thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, học giả, cán bộ, công chức và người dân để có những cải tiến trong đánh giá, đảm bảo những nội dung, tiêu chí đánh giá đáp ứng được yêu cầu của công tác cải cách hành chính của Chính phủ, phản ánh sát thực tiễn xã hội hiện nay đồng thời bắt kịp với xu thế phát triển của nền hành chính trên thế giới. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức trong giai đoạn tới đảm bảo mang được tiếng nói của người dân thuộc mọi thành phần, từ mọi vùng miền của đất nước đến Chính phủ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các ngành, các cấp giúp các cơ quan nâng cao chất lượng chính sách công, dịch vụ công thiết yếu đối với người dân, góp phần mang lại cho người dân chất lượng cuộc sống tốt hơn.

Đặc biệt, Bộ Nội vụ sẽ ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân theo hình thức trực tuyến trên mạng internet để mọi người dân có khả năng trả lời khảo sát trực tuyến đều có thể đưa ra tiếng nói của mình vào bất kỳ thời điểm nào họ mong muốn.

**Phóng viên:** So với năm 2020, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Bộ Nội vụ có sự cải thiện về thứ hạng. Bộ trưởng có hài lòng với vị trí này?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Chỉ số cải cách hành chính và chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của Bộ Nội vụ năm nay nhìn chung có sự cải thiện tốt hơn năm trước, điều này có được nhờ những nỗ lực cải cách của các đơn vị trong Bộ, nâng cao chất lượng phục vụ, hướng đến sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nói là hài lòng hay không thì tôi thấy cũng chưa thực sự hài lòng. Là đơn vị tham mưu giúp Chính phủ trong công tác cải cách hành chính, cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, tôi vẫn đặt ra yêu cầu đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ là phải xây dựng một nền hành chính phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ công, nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị mình. Một mục tiêu quan trọng mà Bộ Nội vụ hướng đến là trở thành một trong những đơn vị đứng đầu về chuyên đổi số trong khối các Bộ, ngành.

Chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Cùng với đó, triển khai mạnh mẽ việc xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phục vụ theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại; tập trung triển khai hiệu quả các nghị quyết của Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**Phóng viên:** Trân trọng cảm ơn Bộ trưởng!

*Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn*

## CẢI CÁCH THỂ CHẾ CẦN BẮM SÁT HƠI THỞ CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Bộ Tư pháp soạn ngôi của Ngân hàng Nhà nước để đứng đầu các Bộ, ngành Trung ương về Chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

### **Cải cách thể chế cần bám sát hơi thở của đời sống xã hội**

Sáng ngày 25/5, trao đổi với Báo Điện tử Chính phủ tại Hội nghị công bố Chỉ số cải cách hành chính, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh cho biết: Trong bộ Chỉ số cải cách hành chính hằng năm thì Chỉ số về cải cách thể chế luôn được xác định là nhóm chỉ số quan trọng nhất. Xây dựng, hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược để đất nước phát triển bền vững đã tiếp tục được nêu trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời, được Chính phủ xác định là một trong ba trọng tâm thực hiện cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh nêu rõ: Qua việc chấm điểm cải cách thể chế trong bộ Chỉ số cải cách hành chính và theo dõi, quản lý nhà nước, Bộ Tư pháp nhận thấy các Bộ, ngành, địa phương đã quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác cải cách thể chế. Minh chứng cho kết quả nêu trên là điểm đánh giá về lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế đã có nhiều cải thiện về giá trị điểm số so với những năm trước đây. Qua thẩm định kết quả tự chấm điểm về cải cách thể chế có nhiều Bộ, địa phương đạt kết quả tốt như: Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, TP. Hà Nội, các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Đồng Tháp...

Với những nỗ lực đó, năm 2021 các Bộ, ngành đã giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội thông qua 7 luật, nghị quyết. Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ tham mưu giúp Chính phủ xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 luật để trình Quốc hội xem xét. Các Bộ, ngành trình Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 784 văn bản; ở cấp tỉnh, cấp huyện có 5.510 văn bản đã được ban hành.

"Chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật được nâng cao; tiến độ được đẩy nhanh hơn nhiều so với trước, nhất là các văn bản phục vụ trực tiếp cho công tác phòng, chống dịch và bảo đảm an sinh xã hội, tháo gỡ khó khăn, các điểm nghẽn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh. Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật thuộc Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng 6 bậc", Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh nêu rõ.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện tích cực, đã phát hiện, xử lý những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, kinh doanh, không phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh, những kết quả công tác cải cách thể chế nêu trên không chỉ kịp thời cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, mà còn chung tay cùng hệ thống chính trị trong giải quyết các vấn đề phát sinh do dịch bệnh COVID-19, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công tác cải cách thể chế cần phải bám sát với đường lối, chủ trương của Đảng, thực tiễn hơi thở của đời sống xã hội để pháp luật ngày càng hoàn thiện, khả thi, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý, vừa thúc đẩy phát triển mọi mặt kinh tế-xã hội. Ở Bộ, ngành, địa phương nào mà lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, quan tâm, trực tiếp chỉ đạo các công tác xây dựng, phổ biến, theo dõi thi hành pháp luật thì hiệu quả các công tác này được nâng lên rõ rệt và qua đó thúc đẩy kết quả cải cách hành chính nói chung của Bộ, ngành, địa phương đó.

### **6 nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách thể chế**

Về phương hướng, nhiệm vụ thực hiện cải cách thể chế trong thời gian tới, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh cho rằng, cần tập trung 6 nhóm vấn đề sau đây:

Một là, tiếp tục đề xuất và thực hiện quyết liệt các giải pháp để thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng trên các lĩnh vực. Chủ động nắm bắt, kịp thời phản ứng chính sách đối với những vấn đề pháp lý đặt ra từ thực tiễn đời sống kinh tế-xã hội của đất nước và của từng địa phương, trong đó có các giải pháp về thể chế để bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19.

Hai là, thực hiện nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; các nghị quyết và nhiều văn bản chỉ đạo mới đây của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, nhất là 3 Nghị quyết phiên họp chuyên đề của Chính phủ về xây dựng pháp luật.

Trong đó lưu ý, việc sớm tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học và thực hiện truyền thông chính sách pháp luật trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật sẽ bảo đảm quy định pháp luật được soạn thảo đồng bộ, khả thi, tạo sự đồng thuận trong xã hội để thi hành pháp luật hiệu quả, cũng như đáp ứng yêu cầu phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật nhằm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Ba là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các bộ, ngành, địa phương cần chủ động, thường xuyên thực hiện rà soát và xử lý hoặc đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ, gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội. Việc chủ động vào cuộc từ sớm, từ xa của các bộ, ngành, địa phương trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế mới đáp ứng được yêu cầu mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo.

Bốn là, từng bước đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng Nhà nước tạo dựng các điều kiện cần thiết để người dân, doanh nghiệp chủ động tiếp cận pháp luật; chấp hành, tuân thủ, làm theo quy định pháp luật để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình trong cuộc sống cũng như đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật theo định hướng chuyển đổi số trong công tác này.

Tập trung truyền thông ngay từ khâu dự thảo chính sách theo yêu cầu tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn trong xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027".

Năm là, tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; tập trung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong 3 lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 theo đúng tinh thần Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ là: Chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19; tình hình thi hành pháp luật trong tự chủ đại học thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Sáu là, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế. Quan tâm, ưu tiên bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục và tổ chức thi hành pháp luật.

*Nguồn: baohinhphu.vn*



## BỘ CHÍNH TRỊ: QUY ĐỊNH BỐN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC

Theo quy định của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội là bốn chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.

Bộ Chính trị vừa ban hành kết luận về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

Theo kết luận này, chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở gồm ba nhóm.

Đầu tiên là nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Trong đó, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội là bốn chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.

Nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc gồm: Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

Nhóm hai là nhóm chức danh, chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Trong đó, các chức danh thuộc Bộ Chính trị quản lý được chia thành ba bậc.

Bậc một gồm: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương chính thức (Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được xác định vị trí thứ bậc và hưởng các chế độ, chính sách theo chức vụ đang công tác), Trưởng ban, cơ quan đảng ở Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tổng biên tập báo Nhân Dân, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng ban Ban Dân nguyện thuộc Thường vụ Quốc hội).

Bậc hai gồm: Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng kiểm toán Nhà nước; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Trung ương; Phó Chủ tịch - Tổng thư ký Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương; Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Bậc ba gồm: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam.

Các chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý được chia thành ba bậc. Ngoài ra, Bộ Chính trị cũng quy định khung chức danh, chức vụ thuộc diện cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý.

Theo kết luận, các chức danh, chức vụ lãnh đạo trong hệ thống chính trị được hình thành, phát triển qua nhiều giai đoạn, cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, do chưa có quy định tổng thể, đồng bộ, tổ chức bộ máy còn chồng chéo, nhiều thứ bậc, nên việc vận dụng chức vụ tương đương trong sắp xếp, bố trí cán bộ và thực hiện chính sách còn nhiều bất cập. Việc rà soát, sắp xếp chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở là cần thiết.

Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục rà soát, sắp xếp chức danh, chức vụ theo phân cấp quản lý, có kế thừa, ổn định; chỉ điều chỉnh những vị trí bất hợp lý hoặc chưa được sắp xếp; một người đảm nhiệm nhiều chức vụ thì lấy chức vụ cao nhất để xác định chức danh lãnh đạo.

Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng đề án danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo quản lý, chỉ huy trong quân đội và công an, đồng bộ với các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị; Ban tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan thẩm định, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách về vị trí công tác, số lượng chức danh, chức vụ cán bộ; bảng lương chức vụ đồng bộ với bảng danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị do Bộ Chính trị ban hành.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

**\* Ngày 21/5, Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2022/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.**

Theo đó, Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2022 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20/11/2022, cụ thể như sau: Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2022 chậm nhất là ngày 20/11/2022. Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 7 năm 2022 chậm nhất là ngày 20/11/2022. Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2022 chậm nhất là ngày 20/11/2022. Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 9 năm 2022 chậm nhất là ngày 20/11/2022.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời

hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật hiện hành thì chưa phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt đã kê khai trong thời gian được gia hạn.

Trường hợp doanh nghiệp có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế tiêu thụ đặc biệt riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất hoặc lắp ráp ô tô thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31/12/2022. Sau thời gian gia hạn theo Nghị định này, việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước được thực hiện theo quy định hiện hành.

**\* Ngày 20/5, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.**

Nghị định số 31/2022/NĐ-CP nêu rõ đối tượng áp dụng là: 1. Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. 2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất (gọi là khách hàng) thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành đã được đăng ký kinh doanh quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm: hàng không, vận tải kho bãi (H), du lịch (N79), dịch vụ lưu trú, ăn uống (I), giáo dục và đào tạo (P), nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (A), công nghiệp chế biến, chế tạo (C), xuất bản phần mềm (J582), lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan (J-62), hoạt động dịch vụ thông tin (J-63); trong đó có hoạt động xây dựng phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế nói trên nhưng không bao gồm hoạt động xây dựng cho mục đích kinh doanh bất động sản quy định tại mã ngành kinh tế (L) theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg; b) Có mục đích sử dụng vốn vay để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng tổng hợp, công bố.

Nghị định quy định điều kiện để được hỗ trợ lãi suất là: 1. Khách hàng có đề nghị được hỗ trợ lãi suất, đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. 2. Khoản vay được hỗ trợ lãi suất là khoản vay bằng đồng Việt Nam, được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023, sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác. 3. Khoản vay không được tiếp tục hỗ trợ lãi suất trong các trường hợp sau: a) Khoản vay có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả không được hỗ trợ lãi

suất đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ nằm trong khoảng thời gian có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả. Khoản vay chỉ được tiếp tục hỗ trợ lãi suất đối với các kỳ hạn trả nợ lãi tiếp theo sau khi khách hàng đã trả hết số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả; b) Khoản vay được gia hạn nợ không được hỗ trợ lãi suất đối với thời gian gia hạn nợ.

Thời hạn được hỗ trợ lãi suất tính từ ngày giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa ngân hàng thương mại và khách hàng, phù hợp với nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất được thông báo, nhưng không vượt quá ngày 31/12/2023.

Mức lãi suất hỗ trợ đối với khách hàng là 2%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất thực tế nằm trong khoảng thời gian quy định trên.

Đến thời điểm trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ lãi, ngân hàng thương mại thực hiện giảm cho khách hàng số lãi tiền vay phải trả bằng số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất trong kỳ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nghị định nêu rõ, việc hỗ trợ lãi suất phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách. Ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho khách hàng. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại các kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (20/5/2022) đến ngày 31/12/2023.

Ngân hàng thương mại dừng hỗ trợ lãi suất sau thời điểm 31/12/2023 hoặc khi hết nguồn kinh phí (hạn mức hỗ trợ lãi suất) được thông báo, tùy theo thời điểm nào đến trước...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN ĐẾN NĂM 2030**

Ngày 23/5, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 633/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là hoàn thiện hệ thống quy định về kế toán - kiểm toán bảo đảm chặt chẽ, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ hệ thống chuẩn mực kế toán - kiểm toán theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam; nâng cao vai trò quản lý Nhà nước, đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ và nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán ngang tầm với các nước trong khu vực. Qua đó nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin kinh tế - tài chính - ngân sách ngày càng công khai, minh bạch, phản ánh trung thực các thông tin, số liệu kinh tế - tài chính trong nền kinh tế quốc dân, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành và ra quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các doanh nghiệp, đơn vị và tổ chức khác; tăng cường hội

nhập quốc tế, hợp tác với các tổ chức quốc tế về kế toán - kiểm toán, tạo lập mối liên hệ chặt chẽ, thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, trên thế giới.

Chiến lược phân đầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán; phát triển thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, dịch vụ kiểm toán; xác định đối tượng được kiểm toán thiết thực hiệu quả, đến năm 2025 bảo đảm 100% doanh nghiệp, đơn vị có quy mô lớn được kiểm toán báo cáo tài chính, không phân biệt loại hình hoạt động, hình thức sở hữu. Có chính sách để tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ kế toán viên, kiểm toán viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với quá trình chuyển đổi số trong việc xây dựng khung khổ pháp lý và tổ chức triển khai thực hiện tại các đơn vị; xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến kế toán - kiểm toán phục vụ hoạt động của các đơn vị và hoạt động quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán.

Rà soát, hoàn thiện và tăng cường khung khổ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác quan trọng như các tổ chức tài chính, các tổ chức nghề nghiệp quốc tế và các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán - kiểm toán tại các nước đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác truyền thông của Việt Nam. Phát triển chiều sâu, nâng cao hiệu quả thực chất các chương trình hợp tác với các tổ chức này, tạo lập mối liên hệ chặt chẽ, thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ngoài ra, có chính sách khuyến khích đối với các tổ chức nghề nghiệp về kế toán - kiểm toán nhằm thống nhất và nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức này; chủ động phối hợp chặt chẽ cùng các tổ chức nghề nghiệp trong công tác hoạch định, triển khai pháp luật về kế toán - kiểm toán cũng như kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của đội ngũ hành nghề kế toán - kiểm toán...

Để đạt được mục tiêu trên, Chiến lược đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như: Ban hành Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; Ban hành, công bố các hệ thống chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán; Tăng cường năng lực cơ quan quản lý, giám sát về kế toán - kiểm toán và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ pháp luật về kế toán - kiểm toán; Phát triển thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán; Phát triển các hội nghề nghiệp; Phát triển nguồn nhân lực về kế toán - kiểm toán; Tăng cường, mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế; Ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động khác.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

**\* Ngày 23/05, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 04/2022/TT-BNV sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.**

Theo đó, điểm c Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung thành: “c) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên đối với công chức làm việc tại các xã: miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**\* Ngày 23/5, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau: “3. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.”

2. Bổ sung Điều 8a như sau: “Điều 8a. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố: Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể thôn, tổ dân phố.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố: a) Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố; b) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau: Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.

Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau: “3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tại nơi không tổ chức

Hội đồng nhân dân cấp xã, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.”

4. Thay thế cụm từ “mười lăm ngày làm việc” bằng cụm từ “mười ngày làm việc” tại Khoản 4 Điều 8 và Khoản 5 Điều 9.

**\* Ngày 20/5, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký ban hành Thông thư số 03/2022/TT-NHNN hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.**

Thông tư quy định, ngân hàng thương mại thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

Đến thời điểm trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ lãi, ngân hàng thương mại lựa chọn thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng theo một trong các phương thức sau: Giảm trừ trực tiếp số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Thực hiện thu của khách hàng toàn bộ lãi tiền vay trong kỳ và hoàn trả khách hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ lãi suất trong cùng ngày thu lãi. Trường hợp việc thu lãi vay trong kỳ thực hiện sau giờ làm việc của ngân hàng thương mại thì việc hoàn trả số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất có thể thực hiện vào ngày tiếp theo.

Về xác định, thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại, Thông tư nêu rõ, các ngân hàng thương mại đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho cả 02 năm 2022, 2023 và chi tiết từng năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

Trường hợp tổng số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của các ngân hàng thương mại trong 02 năm 2022 và 2023 nhỏ hơn hoặc bằng 40.000 tỷ đồng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại theo đăng ký.

Trường hợp tổng số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của các ngân hàng thương mại trong 02 năm 2022 và 2023 lớn hơn 40.000 tỷ đồng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại như sau: a) Hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023 bằng tích số giữa 40.000 tỷ đồng và tỷ trọng dư nợ cho vay đến 31/12/2021 của từng ngân hàng thương mại trên tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng thương mại có đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất, nhưng không vượt quá số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của từng ngân hàng thương mại, cụ thể được xác định theo Phụ lục 01



ban hành kèm theo Thông tư này; b) Căn cứ kết quả xác định hạn mức trong 02 năm 2022 và 2023 nêu tại điểm a, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất trong năm 2022 đối với từng ngân hàng thương mại bằng số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch năm 2022. Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch năm 2022 lớn hơn hoặc bằng hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023 thì hạn mức hỗ trợ lãi suất năm 2022 bằng hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023.

Hạn mức xác định trong năm 2023 bằng hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023 trừ hạn mức xác định trong năm 2022.

Trong Quý III năm 2023, trong trường hợp cần thiết, căn cứ báo cáo của các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, điều chỉnh hạn mức hỗ trợ lãi suất giữa các ngân hàng thương mại theo nguyên tắc chuyển từ ngân hàng thương mại không có nhu cầu sử dụng hết hạn mức (nếu có) tới ngân hàng thương mại có nhu cầu bổ sung hạn mức (nếu có). Trường hợp số hạn mức có nhu cầu bổ sung lớn hơn số hạn mức không có nhu cầu sử dụng hết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện phân bổ cho các ngân hàng thương mại có nhu cầu bổ sung hạn mức căn cứ theo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất đến cuối tháng 6/2023 của các ngân hàng thương mại này.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Chủ tịch nước:

Chiều ngày 24/5, tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh trao các Quyết định thăng quân hàm từ Trung tướng lên Thượng tướng đối với ông Ngô Minh Tiến, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam và ông Lương Đình Hồng, Chính ủy Học viện Quốc phòng (Bộ Quốc phòng).

### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm lại ông Đào Minh Tú giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Kiện toàn Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ Quốc gia:

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định số 639/QĐ-TTg ngày 24/5/2022 kiện toàn Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ Quốc gia. Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Chủ tịch Hội đồng.

Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Nguyễn Thị Hồng (Phó Chủ tịch thường trực); Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc.

Ủy viên Hội đồng gồm: Trợ lý Tổng Bí thư Đinh Văn Ân; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam Bùi Nhật Quang; Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Hồng Sơn; Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Đào Minh Tú; Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phạm Thanh Hà; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Thị Thu Vân; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương; Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Đức Chi; Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh; Lãnh đạo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương; Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế Trung ương Trần Thị Hồng Minh; Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Chính phủ Trần Anh Tiến; Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Trần Hoàng Ngân.

Ủy viên Hội đồng còn có các chuyên gia tư vấn: Trương Đình Tuyển; Lê Đức Thúy, Cán Văn Lực, Trần Du Lịch, Trần Đình Thiên, Nguyễn Đức Kiên, Vũ Bằng, Võ Trí Thành, Lê Xuân Nghĩa, Trương Văn Phước, Trần Ngọc Thơ, Trần Thọ Đạt, Nguyễn Thị Mùi.

Hội đồng có tổ thư ký giúp việc gồm 10 thành viên.

### Lập Tổ công tác hoàn thiện phân bổ vốn phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế:

Ngày 24/5/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 640/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác rà soát, hoàn thiện phân bổ nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế (Tổ công tác). Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam làm Tổ trưởng.

Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long làm Tổ phó thường trực.

Các thành viên gồm: Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Sỹ Hiệp; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Thị Bích Ngọc; Thứ trưởng Bộ Tài chính Tạ Anh Tuấn.

Tổ công tác có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc Bộ Y tế và các Bộ liên quan theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng bộ, phối hợp chặt chẽ rà soát, hoàn thiện phương án phân bổ vốn trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Quyết định cũng phân công công việc cụ thể của Tổ trưởng, Tổ phó thường trực và các thành viên.

Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện phân bổ nguồn vốn của Chương trình.

**\* Bộ Tài chính:**

Cách chức Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với ông Trần Văn Dũng, do đã có vi phạm, khuyết điểm nghiêm trọng trong công tác.

Ông Nguyễn Đức Chi, Thứ trưởng Bộ Tài chính được giao trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kể từ ngày 19/5/2022.

**\* Thành phố Đà Nẵng:**

Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4319-QĐ/TU thành lập Ban Chỉ đạo Thành ủy về Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban Chỉ đạo gồm 15 thành viên.

Ông Nguyễn Văn Quảng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo; Ban Nội chính Thành ủy là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

5 Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo gồm: ông Lương Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy; Võ Công Chánh, Trưởng ban Ban Nội Chính Thành ủy (Phó Trưởng ban Thường trực); Nguyễn Đình Vĩnh, Trưởng ban Ban Tổ chức Thành ủy; Bà Lê Thị Mỹ Hạnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Thiếu tướng Võ Xuân Viên, Giám đốc Công an thành phố. 9 Ủy viên là Thủ trưởng các sở, ngành liên quan.

**\* Tỉnh An Giang:**

Bà Nguyễn Thị Minh Thúy, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*